

**BÁO CÁO**

**Sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 của Hội nghị lần thứ tư, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế**

-----

Thực hiện Công văn số 601-CV/BKTTW ngày 12/7/2021 của Ban Kinh tế Trung ương về việc báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TW ngày 01/11/2016 của Hội nghị lần thứ tư, Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế (*sau đây viết tắt là Nghị quyết 05*), Ban Thường vụ Tỉnh ủy Quảng Ngãi báo cáo như sau:

**PHẦN I****TÌNH HÌNH HỌC TẬP, QUÁN TRIỆT, TUYÊN TRUYỀN VÀ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT****1. Về công tác học tập, quán triệt, tuyên truyền**

Ngay sau khi Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII ban hành Nghị quyết 05, Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 55-KH/TU ngày 09/12/2016 về việc tổ chức, học tập, quán triệt và triển khai thực hiện các nghị quyết của Hội nghị lần thứ tư Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII, trong đó, có Nghị quyết 05 (*sau đây viết tắt là Kế hoạch 55*). Thực hiện Kế hoạch 55, các ngành, địa phương đã tổ chức học tập, quán triệt, tuyên truyền Nghị quyết 05. Kết quả, toàn tỉnh đã tổ chức 440 lớp với 39.669 lượt cán bộ, đảng viên và 9.532 lượt cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên các hội, đoàn thể các cấp (chưa là đảng viên) tham gia học tập, quán triệt Nghị quyết 05. Trong đó: (1) Tỉnh đã tổ chức 03 hội nghị học tập, quán triệt Nghị quyết 05 cho 650 đồng chí là cán bộ lãnh đạo chủ chốt cấp tỉnh, lãnh đạo là cấp phó các sở, ngành, đoàn thể của tỉnh, báo cáo viên các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy và 650 cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên công đoàn ở các sở, ban, ngành cấp tỉnh (chưa là đảng viên); (2) Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy đã xây dựng và chỉ đạo cấp cơ sở xây dựng kế hoạch tổ chức quán

triệt Nghị quyết 05. Cấp ủy cấp huyện và cấp ủy cơ sở tổ chức 437 lớp học tập, quán triệt với 39.119 cán bộ, đảng viên và 8.882 lượt cán bộ, công chức, viên chức, đoàn viên, hội viên các hội, đoàn thể (chưa là đảng viên) tham gia.

**Nhìn chung**, việc tổ chức học tập, quán triệt, phổ biến, tuyên truyền Nghị quyết 05 đã được các cấp ủy, địa phương, đơn vị quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nghiêm túc. Qua học tập, quán triệt, phổ biến, tuyên truyền, các cấp ủy, cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh đã nhận thức tương đối đầy đủ, đúng đắn về quan điểm, mục tiêu, giải pháp và một số chủ trương, chính sách lớn nhằm tiếp tục đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế.

Mỗi tập thể, cán bộ, công chức, viên chức tùy vào điều kiện, vị trí, vai trò khác nhau đều xác định cần phải tích cực cập nhật các chủ trương chính sách của Đảng, Nhà nước, vận dụng sáng tạo, linh hoạt vào điều kiện thực tế của tỉnh để chủ động tham mưu nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý của cơ quan, đơn vị nhằm đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh, tạo động lực để tỉnh phát triển bền vững.

**Tuy nhiên**, một số cấp ủy, chính quyền, đơn vị còn chưa nhận thức đầy đủ về tầm quan trọng của Nghị quyết 05, coi đây là nhiệm vụ của các cơ quan, đơn vị quản lý chuyên môn. Do đó, công tác tổ chức quán triệt, phổ biến, cụ thể hóa cho cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức còn một số hạn chế nhất định như: việc quản lý lớp ở một số địa phương, đơn vị chưa chặt chẽ; chất lượng học tập, quán triệt chưa cao; một số báo cáo viên thiếu liên hệ thực tiễn địa phương, cơ sở; việc thông tin, tuyên truyền chủ yếu là đưa tin về các chủ trương, chính sách của Trung ương, của tỉnh liên quan đến Nghị quyết 05, chưa có nhiều bài đánh giá, phản biện về những hạn chế, bất cập và những điểm mới, sáng tạo trong thực hiện Nghị quyết 05 trên địa bàn tỉnh.

## **2. Về cụ thể hóa, thể chế hóa thực hiện**

Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 58-KH/TU ngày 30/12/2016 về thực hiện Nghị quyết 05 (*sau đây viết tắt là Kế hoạch 58*); trong đó, xác định rõ mục đích, yêu cầu, nội dung, biện pháp thực hiện và giao các cơ quan cụ thể hóa thành kế hoạch thực hiện ở các địa phương, cơ quan, đơn vị. Theo đó, các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc, ban cán sự đảng, đảng đoàn đã lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện. Trong đó, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đã lãnh đạo, chỉ đạo Ủy ban nhân dân (*sau đây viết tắt là UBND*) tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số

118/QĐ-UBND ngày 03/02/2017 về Kế hoạch thực hiện Kế hoạch 58 (sau đây viết tắt là Kế hoạch 118), chỉ đạo các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố căn cứ nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể của cơ quan, đơn vị, địa phương, trình lãnh đạo UBND tỉnh (theo phân công chỉ đạo); đồng thời bổ sung nhiệm vụ vào kế hoạch hàng năm của cơ quan, đơn vị để thực hiện.

## **PHẦN II**

### **ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT**

#### **1. Kết quả triển khai thực hiện Nghị quyết**

##### ***1.1. Về nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành kinh tế***

Thời gian qua, tỉnh đã tập trung chỉ đạo quyết liệt các giải pháp nâng cao hiệu lực, hiệu quả điều hành kinh tế, nhờ đó kinh tế của tỉnh phát triển khá, quy mô và tiềm lực nền kinh tế tăng lên. Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) bình quân giai đoạn 2016 - 2020 tăng 4,92%/năm. Trong đó, khu vực công nghiệp – xây dựng tăng bình quân 4,85%/năm; khu vực dịch vụ tăng 5,2%/năm và khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,66%/năm. Nếu không tính sản phẩm lọc, hóa dầu thì tốc độ tăng GRDP bình quân đạt 8,76%/năm. GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt 2.845 USD.

Tiếp tục đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh. Tập trung đẩy mạnh cơ cấu lại đầu tư công; rà soát, điều chỉnh quy hoạch và kế hoạch đầu tư, tập trung vào những ngành, lĩnh vực có lợi thế, bảo đảm cân đối giữa kế hoạch phát triển và vốn đầu tư, khắc phục dần tình trạng đầu tư dàn trải, lãng phí, nợ đọng xây dựng cơ bản. Siết chặt kỷ luật, kỷ cương tài chính – ngân sách nhà nước.

##### ***1.2. Tiếp tục thực hiện ba đột phá chiến lược***

***1.2.1. Thực hiện các giải pháp để góp phần cùng Trung ương hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa***

*- Ban hành cơ chế, chính sách nhằm cải thiện môi trường kinh doanh, bảo đảm quyền tự do kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh.*

Trong giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh đã rà soát, bãi bỏ một số cơ chế, chính sách không còn phù hợp; đồng thời ban hành cơ chế, chính sách chung ưu đãi, hỗ trợ mang tính vượt trội về giá cho thuê đất, xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật thiết yếu, bồi thường, giải phóng mặt bằng, xử lý nước thải tập trung, đào tạo lao động, xúc tiến thương mại, đầu tư, quảng bá thương hiệu, sản phẩm,... Trong giai đoạn 2021 - 2025, tiếp tục rà soát lại

cơ chế, chính sách hỗ trợ ưu đãi theo hướng chuyên biệt theo từng khu vực, lĩnh vực trọng tâm mà tỉnh mong muốn thu hút đầu tư.

Triển khai Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01/01/2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021, tỉnh đã chỉ đạo triển khai quyết liệt các biện pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh gắn với trách nhiệm của người đứng đầu cơ quan, đơn vị tại các Quyết định: số 214/QĐ-UBND ngày 29/3/2019, số 364/QĐ-UBND ngày 20/5/2019 và số 57/QĐ-UBND ngày 22/01/2020.

Tổ chức thành công Hội nghị “Phân tích, đánh giá kết quả PCI năm 2018 và giải pháp năm 2019; Công bố kết quả DDCI năm 2018 và gặp gỡ đối thoại với doanh nghiệp, nhà đầu tư trên địa bàn tỉnh Quý I/2019”; Hội nghị xúc tiến đầu tư năm 2019 với chủ đề “Quảng Ngãi - Đồng hành cùng doanh nghiệp” với sự tham dự của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc cùng lãnh đạo các bộ, ngành trung ương, lãnh đạo các tỉnh, thành phố và hơn 500 doanh nghiệp trong nước và quốc tế tham dự. Chỉ đạo triển khai đánh giá năng lực cạnh tranh các sở, ban, ngành, địa phương (DDCI) tỉnh Quảng Ngãi năm 2019. Qua đó, xem xét, đánh giá trách nhiệm của các cấp, các ngành trong việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao PCI, DDCI, nhất là trách nhiệm của người đứng đầu các ngành, các cấp.

Căn cứ Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành các Quyết định số 1383/QĐ-UBND ngày 28/7/2017 và Quyết định số 741/QĐ-UBND ngày 14/5/2018; theo đó, đã chỉ đạo, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng sở, ban, ngành, địa phương, các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết gắn với chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị, địa phương. Công bố số điện thoại, địa chỉ thư điện tử của lãnh đạo tỉnh để tiếp nhận kiến nghị, yêu cầu của doanh nghiệp và chỉ đạo, giao nhiệm vụ xử lý; tổ chức hiệu quả, thành công các buổi đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với cộng đồng doanh nghiệp theo định kỳ nhằm trao đổi, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp; các chương trình “Cà phê doanh nhân và hỗ trợ khởi nghiệp” được thực hiện 01 tháng/lần vào sáng thứ 7 tuần đầu tiên của mỗi tháng và có khoảng 30 doanh nghiệp tham gia mỗi lần. Từ năm 2021, để phù hợp với yêu cầu trong tình hình mới, tỉnh thay đổi cách thức đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với cộng đồng doanh nghiệp, thực hiện theo định kỳ 01 quý/lần, đối thoại trực tiếp giữa Chủ tịch UBND tỉnh với cộng đồng doanh nghiệp.

Với phương châm “đồng hành, hỗ trợ doanh nghiệp”, tỉnh đã đẩy mạnh công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, giúp các doanh nghiệp phòng ngừa, hạn chế đến mức thấp nhất các tranh chấp, thiệt hại, rủi ro trong quá trình sản xuất kinh doanh nhất là các doanh nghiệp có quy mô nhỏ và vừa. Triển khai Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; trong đó, tập trung hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận tín dụng, tiếp cận mặt bằng, mở rộng thị trường, hỗ trợ thông tin, tư vấn pháp lý,... Biên tập và phát hành 08 tập sách hỏi - đáp pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; biên soạn và phát hành 03 bản tin hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp. Tổ chức hội nghị hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp chuyên đề xử lý nợ xấu. Thực hiện tham vấn cho các trường hợp doanh nghiệp gặp vướng mắc trong quá trình thực hiện hồ sơ, thủ tục pháp lý liên quan đến lĩnh vực doanh nghiệp, tín dụng ngân hàng, thủ tục hành chính trong hoạt động mua bán nhà ở hình thành trong tương lai, cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở cho tổ chức nước ngoài.

*- Ban hành quy trình giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế “một cửa, liên thông, hiện đại” từ tỉnh đến xã và giữa các cơ quan hành chính nhà nước.*

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX đã xác định cải cách hành chính (*sau đây viết tắt là CCHC*) là nhiệm vụ trọng tâm, nhất là cải cách thủ tục hành chính. Để chỉ đạo triển khai thực hiện, Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 05/12/2016 về cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính giai đoạn 2016 - 2021. Thể chế của nền hành chính tiếp tục được hoàn thiện. Công tác kiểm soát, ban hành mới, rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính được thực hiện thường xuyên; cơ chế một cửa, một cửa liên thông đã tạo nhiều thuận lợi cho tổ chức, công dân trong giao dịch, nhất là giải quyết thủ tục đầu tư, kinh doanh, đất đai, giao thông vận tải, xây dựng,...

Đến nay, 100% các thủ tục hành chính liên quan trực tiếp đến tổ chức, công dân khi được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả tại một đầu mối của tỉnh, cấp huyện và cấp xã đều đảm bảo nguyên tắc “công khai - minh bạch - chất lượng - đúng hẹn”; mức độ hài lòng của tổ chức, công dân về giải quyết thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh đạt trên 90%; tất cả 13/13 huyện, thị xã, thành phố và 173/173 xã, phường, thị trấn đã triển khai áp dụng cơ chế một cửa trong giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính.

*1.2.2. Tiếp tục phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ,*

*hiện đại*

Những năm qua, tỉnh đã có nhiều chính sách và giải pháp khơi dậy nguồn nội lực và tranh thủ nguồn lực từ bên ngoài để huy động vốn cho đầu tư, phát triển. Nhờ đó, tổng vốn đầu tư toàn xã hội trong 5 năm 2016 - 2020 đạt 148.571 tỷ đồng, vượt 65% so với kế hoạch (Kế hoạch là từ 90.000 tỷ đồng trở lên). Trong đó, vốn doanh nghiệp nhà nước đầu tư gần 5.000 tỷ đồng, vốn dân cư và doanh nghiệp tư nhân 96.000 tỷ đồng, vốn FDI hơn 12.000 tỷ đồng. Trong giai đoạn này, có nhiều dự án của bộ, ngành Trung ương đầu tư trên địa bàn tỉnh, với vốn đầu tư khá lớn như Công ty Điện lực miền Trung đầu tư cải tạo mạng lưới điện; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đầu tư nâng cấp hệ thống kênh thủy lợi Thạch Nham; Bộ Giao thông vận tải đầu tư hoàn thành Đường cao tốc Đà Nẵng – Quảng Ngãi, nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 1A, Quốc lộ 24;...

Về nguồn vốn đầu tư công, trong 05 năm 2016 – 2020 tổng kế hoạch vốn do tỉnh quản lý khoảng 21.620 tỷ đồng, trong đó vốn ngân sách địa phương khoảng 13.772 tỷ đồng<sup>1</sup> và vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách Trung ương (bao gồm vốn trái phiếu chính phủ) của tỉnh Quảng Ngãi là 7.847 tỷ đồng<sup>2</sup>.

Tổng số dự án được bố trí kế hoạch vốn giai đoạn 2016 - 2020 là 340 dự án lớn. Trong đó, có 110 dự án chuyển tiếp từ giai đoạn trước, hầu hết đã hoàn thành đưa vào sử dụng và đều phát huy hiệu quả đầu tư, góp phần quan trọng vào tăng trưởng kinh tế và đảm bảo an sinh xã hội. Đối với các dự án khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020 có 230 dự án. Trong đó, có một số dự án lớn, tác động tích cực đến việc phát triển hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội của tỉnh như: Cầu Thạch Bích, Cảng Bến Đình, Cầu Cửa Đại, Đường ven biển Dung Quất – Sa Huỳnh, giai đoạn I; các tuyến đường trung tâm huyện Sơn Tịnh, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; nâng cấp, sửa chữa Bệnh viện đa khoa tỉnh... được hoàn thành, bàn giao, đưa vào sử dụng ngay trong giai đoạn này, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Bên cạnh các dự án đã hoàn thành, hiện nay, tỉnh đang triển khai các dự án quan trọng như: Đập dâng hạ lưu sông Trà Khúc; Đường Dung Quất – Sa Huỳnh giai đoạn 2; Đường nối từ cầu Thạch Bích đến Tịnh Phong, giai đoạn 1. Ngoài ra, các chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững và xây dựng nông thôn mới dự kiến hoàn thành, đưa vào sử dụng khoảng 900 dự án quy mô nhỏ góp phần hoàn thiện kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế ở nông thôn, miền núi.

<sup>1</sup> Bao gồm: vốn trong cân đối theo tiêu chí, định mức là 10.146,53 tỷ đồng, vốn xổ số kiến thiết là 401 tỷ đồng và vốn tiền thu sử dụng đất 3.225 tỷ đồng.

<sup>2</sup> Bao gồm: Vốn Chương trình MTQG 2.418 tỷ đồng, vốn Chương trình mục tiêu 2.562 tỷ đồng, vốn trái phiếu Chính phủ 1.595 tỷ đồng và vốn ODA 1.272 tỷ đồng.

### 1.2.3. Chú trọng phát triển nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển và hội nhập

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là nhiệm vụ đột phá, trong đó, chú trọng nguồn nhân lực trong hệ thống chính trị và phục vụ sản xuất kinh doanh. Tỉnh đã xây dựng, ban hành và thực hiện đồng bộ các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh như: Quy định chính sách thu hút đãi ngộ nguồn nhân lực có chất lượng cao đến công tác, làm việc tại tỉnh; Đề án tuyển chọn học sinh, sinh viên tỉnh Quảng Ngãi cử đi đào tạo trong và ngoài nước<sup>3</sup>; chính sách hỗ trợ sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh là người dân tộc thiểu số; chính sách đào tạo đội ngũ doanh nhân, nhà quản lý doanh nghiệp; chính sách hỗ trợ bác sĩ được chọn, cử đi bồi dưỡng chuyên sâu; đào tạo, bồi dưỡng cập nhật kiến thức khoa học, kỹ năng sản xuất nông nghiệp, kiến thức kinh tế thị trường, hội nhập cho lao động nông thôn; chính sách đặc thù về hỗ trợ đào tạo nghề, giải quyết việc làm. Qua đó, việc phát triển, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực gắn với hiệu quả sử dụng; từng bước hình thành cơ chế liên kết giữa doanh nghiệp với cơ sở đào tạo; đào tạo nghề theo địa chỉ, theo nhu cầu của người sử dụng lao động, gắn đào tạo với sử dụng lao động.

Giải quyết việc làm đạt kết quả khá, các hình thức giao dịch việc làm được phát triển. Cơ cấu lao động chuyển dịch dần theo hướng tăng tỷ lệ lao động trong ngành công nghiệp, dịch vụ, giảm tỷ lệ lao động ngành nông nghiệp. Tỷ lệ lao động ngành nông nghiệp trong tổng lao động giảm còn 45,58%; tỷ lệ lao động qua đào tạo nghề năm 2020 đạt 55%, trong đó, tỷ lệ lao động qua đào tạo từ 3 tháng trở lên có văn bằng, chứng chỉ công nhận kết quả đào tạo đạt 85%.

Tiếp tục quán triệt, thực hiện nghiêm túc Nghị quyết số 29-NQ/TW Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI và Kết luận số 51-KL/TW ngày 30/5/2019 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Đánh giá thực chất chất lượng học tập của học sinh theo định hướng phát triển năng lực nhằm tạo ra sự chuyển biến tích cực, rõ nét về chất lượng, hiệu quả hoạt động giáo dục phổ thông. Thực hiện đầy đủ, kịp thời, đồng bộ các cơ chế, chính sách để phát triển, giáo dục ở miền núi và vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

<sup>3</sup> Năm 2018, tỉnh đã bãi bỏ Nghị quyết số 22/2016/NQ-HĐND ngày 30/9/2016 của HĐND tỉnh và bãi bỏ một số nội dung của Nghị Quyết số 26/2016/NQ-HĐND ngày 30/9/2016 của HĐND tỉnh.

Đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục, đội ngũ nhà giáo được củng cố và kiện toàn, đảm bảo về cơ cấu, chuẩn hóa về chuyên môn; quan tâm, tạo điều kiện cho cán bộ, giáo viên đi học các lớp đủ chuẩn và vượt chuẩn đáp ứng yêu cầu đổi mới công tác quản lý giáo dục, đổi mới dạy học<sup>4</sup>. Tổ chức rà soát, sắp xếp, hoàn thiện hệ thống trường, lớp các cấp học trên địa bàn tỉnh. Kết quả thu hút nguồn lực đầu tư từ xã hội hóa đối với giáo dục có bước phát triển tốt; chủ yếu tập trung ở bậc mầm non, tiểu học ở các địa bàn thành phố Quảng Ngãi và các huyện đồng bằng<sup>5</sup>. Phát triển nhanh các trung tâm ngoại ngữ ngoài công lập, các trung tâm hoạt động giáo dục kỹ năng sống và hoạt động giáo dục ngoài giờ chính khóa, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục tỉnh nhà.

Đến nay, hoàn thành 100% xã đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ năm tuổi; tiếp tục duy trì 100% xã, phường đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; có 13/13 huyện, thành phố đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở. Đến 30/6/2021, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia của tỉnh như sau: mầm non 50,2%, tiểu học 81,17%, trung học cơ sở 87,8%, tiểu học – trung học cơ sở 28,85%, trung học phổ thông là 65,79%.

### ***1.3. Ưu tiên phát triển và chuyển giao khoa học – công nghệ, nhất là khoa học – công nghệ hiện đại, coi đây là yếu tố trọng yếu nâng cao năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của nền kinh tế***

Nghiên cứu và ứng dụng khoa học có bước tiến bộ nhất định. Nội dung các chương trình, đề tài, dự án cơ bản bám sát các nhiệm vụ trọng tâm phát triển kinh tế - xã hội theo tinh thần Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX. Trong giai đoạn 2016 đến nay, đã nghiệm thu kết quả và chuyển giao ứng dụng trên 90% các nhiệm vụ khoa học và công nghệ, trong đó, tập trung vào các lĩnh vực nông nghiệp<sup>6</sup>, kỹ thuật công nghệ, tài nguyên - môi trường, xã hội nhân văn, y - dược,...

Đẩy mạnh hỗ trợ doanh nghiệp trong việc bảo vệ tài sản thương hiệu; khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các chương trình đổi mới thiết

<sup>4</sup> Trình độ chuyên môn của đội ngũ giáo viên trong toàn ngành như sau: Mầm non đạt chuẩn 100% (trong đó trên chuẩn 63,65%); tiểu học đạt chuẩn 99,5% (trong đó trên chuẩn 86,6%); trung học cơ sở đạt chuẩn 99,7% (trong đó trên chuẩn 63,5%); trung học phổ thông đạt chuẩn 100% (trong đó trên chuẩn 10,05%). Tỷ lệ nâng chuẩn cho đội ngũ nhà giáo hằng năm tăng thêm 1 - 3% tùy theo cấp học.

<sup>5</sup> Thu hút 152 dự án đầu tư vào giáo dục với mức kinh phí đầu tư, hỗ trợ là 208 tỷ đồng. Riêng năm 2017, có 05 dự án thành lập với tổng số vốn đầu tư 41,7 tỷ đồng trên tổng diện tích 12.508m<sup>2</sup>; năm 2018 có Trường mầm non - tiểu học Việt Úc, năm 2019 Thành phố Giáo dục quốc tế IEC đi vào hoạt động.

<sup>6</sup> Trong đó, triển khai 23 công trình nghiên cứu khoa học và công nghệ về nông nghiệp, tiêu biểu như: Phát triển cây ăn quả hàng hóa tại huyện Nghĩa Hành (sầu riêng, bưởi da xanh, chôm chôm); xây dựng cánh đồng lúa mẫu lớn; xây dựng vùng chuyên canh rau an toàn đạt tiêu chuẩn VietGap; sản xuất lúa hữu cơ; tuyển chọn và lưu giữ giống lợn Kiên sắt, chăn nuôi yếm ở nhà thấp tầng khu vực nông thôn; nuôi lưu giữ, bảo tồn nguồn gen giống gà Hê Quảng Ngãi; trồng nấm; chăn nuôi heo trên đệm lót sinh học; vùng chuyên canh cây thanh long ruột đỏ; giải pháp kỹ thuật trong canh tác tỏi; sản xuất giống và nuôi thương phẩm cá ngựa đen; áp dụng tiến bộ khoa học và công nghệ phát triển sản xuất nông nghiệp phục vụ xây dựng nông thôn mới...



bị, công nghệ trong sản xuất, kinh doanh, tham gia các chương trình nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm; phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ<sup>7</sup>; hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo. Các địa phương, tổ chức, doanh nghiệp đã quan tâm đến việc xây dựng nhãn mác hàng hóa, tạo lập thương hiệu cho sản phẩm chủ lực, sản phẩm đặc thù, đăng ký quyền sở hữu trí tuệ.

Hoạt động sở hữu trí tuệ và việc xác lập quyền bảo hộ sở hữu trí tuệ có bước chuyển biến tích cực. Trong giai đoạn 2016 – 2020, đã hướng dẫn cho 250 lượt tổ chức, cá nhân xác lập quyền sở hữu trí tuệ và đã có trên 200 văn bằng bảo hộ nhãn hiệu sản phẩm đã được cấp, số lượng văn bằng được bảo hộ tăng 104% so với giai đoạn 2011 - 2015.

Việc xây dựng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tuy mới được triển khai thực hiện từ năm 2018 đến nay nhưng đã đạt được những kết quả bước đầu rất đáng ghi nhận. Các hoạt động tuyên truyền, tập huấn, đào tạo được đẩy mạnh, các hoạt động kết nối được tổ chức thường xuyên và hiệu quả đã giúp cho phong trào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo phát triển, thu hút được sự quan tâm của nhiều đối tượng, tinh thần khởi nghiệp được lan tỏa đến với cộng đồng, nhất là lực lượng thanh niên, sinh viên. Qua 02 cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, đã có 124 ý tưởng, dự án khởi nghiệp đến từ các sinh viên, đoàn viên thanh niên và phụ nữ trên địa bàn tỉnh tham gia; trong đó, có 17 dự án được vào vòng chung kết và đạt giải<sup>8</sup>.

#### ***1.4. Đẩy mạnh cơ cấu lại tổng thể các ngành, lĩnh vực kinh tế; gắn kết chặt chẽ giữa cơ cấu lại tổng thể nền kinh tế với cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực trọng tâm***

##### ***1.4.1. Cơ cấu lại doanh nghiệp nhà nước***

Thực hiện chủ trương của Trung ương về đẩy mạnh sắp xếp, đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp nhà nước, tỉnh đã chỉ đạo việc sắp xếp, đổi mới các doanh nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh đạt được một số kết quả:

- Tình hình thực hiện cổ phần hoá doanh nghiệp nhà nước: Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 1790/TTg-

<sup>7</sup> Đã cấp 06 giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ và khoa học cho 06 DN: Công ty CP Cơ Điện Môi trường LILAMA, Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn, Công ty CP Cơ khí và Xây lắp An Ngãi, Công ty TNHH khoa học và công nghệ Nông Tín, Công ty TNHH nông lâm nghiệp TBT, Công ty TNHH Dory.

<sup>8</sup> Đến nay, một số ý tưởng, dự án đã trở thành sản phẩm kinh doanh có hiệu quả như: Dự án “lò nướng bánh trắng bằng tia hồng ngoại” trong năm 2020 đã bán 200 máy, với tổng doanh thu 5,6 tỷ đồng; Mô hình “nuôi thỏ bằng măng tây khép kín hoàn toàn tự nhiên” đã có sản phẩm bán ra thị trường mỗi tháng 01 tấn, với mức doanh thu khoảng gần 1 tỷ đồng/năm; Dự án “mô hình vận tải thông minh Shipway” sau 9 tháng ra mắt đã có trên 1.000 khách hàng sử dụng App và doanh thu đạt 412 triệu đồng;...

ĐMDN ngày 09/10/2015 về phê duyệt phương án tổng thể sắp xếp, đổi mới các công ty nông, lâm nghiệp thuộc UBND tỉnh Quảng Ngãi. Đến ngày 18/10/2017, đã chuyển Công ty TNHH MTV Nông, lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi thành Công ty Cổ phần Nông, lâm nghiệp 24/3 Quảng Ngãi. Hiện nay, Ban Chỉ đạo cổ phần hóa tiếp tục phối hợp với các đơn vị có liên quan triển khai các bước tiếp theo về công tác cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Đầu tư, xây dựng và kinh doanh dịch vụ Quảng Ngãi theo đúng quy định.

- Tình hình thoái vốn tại các doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc tỉnh quản lý: Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1232/QĐ-TTg ngày 17/8/2017 về phê duyệt Danh mục doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn giai đoạn 2017 - 2020. Theo đó, tỉnh Quảng Ngãi có 02 doanh nghiệp có vốn nhà nước thực hiện thoái vốn trong giai đoạn 2017 - 2020.

#### *1.4.2. Tiếp tục cơ cấu lại đầu tư, trọng tâm là đầu tư công*

Để thực hiện cơ cấu lại đầu tư, trọng tâm là đầu tư công, tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 45/KH-UBND ngày 26/3/2018 thực hiện “Đề án cơ cấu lại đầu tư công trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2017 - 2020 và định hướng đến năm 2025”, trong đó định hướng cơ cấu lại đầu tư công theo từng nguồn vốn và theo từng ngành, lĩnh vực. Cụ thể:

- Định hướng đầu tư công theo nguồn vốn:

+ Đối với nguồn vốn ngân sách nhà nước: Ưu tiên thực hiện các dự án hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng hoàn vốn trực tiếp hoặc không xã hội hóa được. Vốn ngân sách nhà nước được xem như là vốn hỗ trợ, khuyến khích khai thác tối đa các nguồn vốn của các thành phần kinh tế khác. Tăng cường thu hút, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư theo phương thức đối tác công – tư (PPP) để phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng, nhất là các dự án có tính kết nối, lan tỏa và tác động lớn đến phát triển kinh tế; các dự án hạ tầng xã hội thuộc ngành y tế, giáo dục,...

+ Đối với nguồn vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài: Ưu tiên đầu tư các dự án trong lĩnh vực giảm nghèo, nhất là ở các huyện miền núi; lĩnh vực phát triển nông nghiệp và nông thôn; đào tạo nghề; bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh.

+ Đối với nguồn vốn tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước: Ưu tiên huy động đầu tư các dự án có khả năng thu hồi vốn trực tiếp trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn; sản xuất hàng xuất khẩu, đặc biệt

là các dự án sản xuất sử dụng nhiều lao động; trồng rừng nguyên liệu tập trung, trồng cây công nghiệp dài ngày, cây ăn quả; các dự án phát triển hạ tầng nuôi trồng thủy sản; các dự án đầu tư xã hội hóa trong các ngành giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục - thể thao.

+ Nguồn vốn đầu tư từ khu vực tư nhân trong và ngoài nước theo phương thức đối tác công - tư (PPP): Ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng, nhất là các dự án trọng điểm của tỉnh, có sức lan tỏa và kết nối giữa các địa phương trong tỉnh; các dự án hạ tầng xã hội thuộc ngành y tế, giáo dục,...

- Định hướng đầu tư công theo ngành, lĩnh vực:

+ Hạ tầng giao thông: Ưu tiên bố trí vốn để hoàn thành các dự án trọng điểm, các dự án kết nối từ trung tâm tỉnh lỵ đến các huyện; giữa các huyện ven biển và các huyện miền núi trong tỉnh. Nhiều dự án đã thi công hoàn thành các công trình, đưa vào khai thác sử dụng: Cầu Cổ Lũy; Cầu Thạch Bích; Nâng cấp đường Quảng Ngãi - Chợ Chùa; Nâng cấp, mở rộng Quốc lộ 24 (đoạn Phổ Phong – thị trấn Ba Tơ); Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh (giai đoạn 1); Đường tránh lũ, cứu hộ, cứu nạn các huyện vùng Tây tỉnh Quảng Ngãi (đoạn Long Môn - Sơn Kỳ); Cảng Bến Đình;... Ngoài ra, tỉnh đã phối hợp chặt chẽ với Bộ Giao thông vận tải và thực hiện theo đúng tiến độ, đưa vào sử dụng đối với tuyến đường cao tốc Quảng Ngãi – Đà Nẵng, hoàn thành dự án mở rộng đường Quốc lộ 1 (đoạn Dốc Sỏi – Khu Công nghiệp VSIP); đề xuất Trung ương đầu tư Đường cao tốc Quảng Ngãi – Bình Định.

+ Hạ tầng công nghiệp: Ưu tiên đầu tư từ nguồn vốn đầu tư công để hoàn thiện hạ tầng Khu Kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp đáp ứng yêu cầu phát triển và gắn kết với bên ngoài thông qua việc đầu tư xây dựng hoàn thành các trục đường giao thông chính. Đã bố trí đầu tư thi công các dự án: Đường Võ Văn Kiệt; Cầu Trà Bồng; Đường Trì Bình - Cảng Dung Quất; Tuyến đường trục chính nối trung tâm phía Bắc và phía Nam đô thị Vạn Tường; Đường số 3 Khu công nghiệp Tịnh Phong; Khu tái định cư phục vụ dự án mở rộng Nhà máy lọc dầu Dung Quất; Kè chắn cát cảng Dung Quất; các hạ tầng kỹ thuật khác (*như dự án: Đường số 6 Khu công nghiệp Tịnh Phong, mặt đường, vỉa hè, điện chiếu sáng đường số 8 Khu công nghiệp Tịnh Phong, Hệ thống xử lý nước thải Khu công nghiệp Tịnh Phong, Kênh thoát nước đoạn cuối đường Võ Văn Kiệt, ...*) tạo thuận lợi cho sản xuất, kinh doanh.

+ Hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp, thủy sản, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu: Ưu tiên đầu tư các dự án nâng cấp hệ thống thủy lợi phục vụ sản xuất; xây dựng và củng cố hệ thống đê

biển, đê sông; các công trình ngăn mặn, giữ ngọt, tiêu úng thích ứng với biến đổi khí hậu.

+ Hạ tầng đô thị: Tập trung nguồn lực đầu tư công xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đô thị từng bước đồng bộ, hiện đại, đáp ứng các tiêu chí của một tỉnh công nghiệp; trong đó: cần ưu tiên hoàn thiện hạ tầng thành phố Quảng Ngãi và các công trình hạ tầng xã hội thiết yếu.

+ Hạ tầng cung cấp điện: Đầu tư nâng cấp, mở rộng hệ thống lưới điện, vốn đầu tư công ưu tiên đầu tư cải tạo, nâng cấp hệ thống truyền tải, phân phối điện ở nông thôn, miền núi.

+ Hạ tầng giáo dục, đào tạo: Ưu tiên bố trí vốn đầu tư cơ sở vật chất các trường trung học phổ thông, hệ thống trường nội trú, bán trú ở tất cả các cấp học ở miền núi, Chương trình kiên cố hóa trường lớp học tại các huyện, thành phố.

+ Hạ tầng y tế: Huy động và bố trí nguồn lực đầu tư hạ tầng y tế để từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ y tế ngang tầm với các tỉnh trong khu vực. Đã bố trí đủ vốn đầu tư công để hoàn thành các dự án: Trung tâm Nội tiết tỉnh; các trạm y tế xã; nâng cấp Bệnh viện Đa khoa tỉnh đạt tiêu chí hạng 1; Khoa Ung bướu Bệnh viện Đa khoa tỉnh;...

+ Hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch: Đầu tư xây dựng hạ tầng văn hóa, thể thao đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Huy động đa dạng nguồn lực đầu tư phát triển các công trình hạ tầng phục vụ du lịch để phát huy thế mạnh, khai thác có hiệu quả các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, lễ hội, các giá trị văn hóa đặc sắc của các dân tộc, vùng miền trong tỉnh.

Nhìn chung, việc phân bổ nguồn vốn ngân sách nhà nước đã đi vào quy củ từ khi triển khai Luật Đầu tư công và các nghị định hướng dẫn thi hành. Việc bố trí vốn đầu tư được tập trung hơn trước, góp phần đẩy nhanh tiến độ, sớm đưa công trình, dự án đi vào sử dụng, phát huy hiệu quả. Đặc biệt, đã đổi mới công tác lập kế hoạch đầu tư, chuyển từ việc lập kế hoạch ngắn hạn, hằng năm sang kế hoạch trung hạn 5 năm, nâng cao tính tổng thể trong phân bổ vốn. Đẩy mạnh phân cấp, giao trách nhiệm, tạo sự chủ động cho các sở, ngành và địa phương thực hiện nhiệm vụ theo hướng cải cách hành chính trong đầu tư, nhất là các khâu thẩm định dự án, thẩm định thiết kế bản vẽ thi công - dự toán bảo đảm thời gian quy định. Khắc phục tình trạng đầu tư dàn trải, hiệu quả thấp hoặc triển khai thực hiện vượt quá khả năng cân đối nguồn vốn. Tập trung chỉ đạo công tác giải phóng mặt bằng, đẩy nhanh tiến độ đầu tư các công trình xây dựng kết cấu hạ tầng, sớm đưa vào khai thác sử dụng và quản lý có hiệu quả. Phân bổ vốn đầu tư công hợp lý, kết hợp hài hòa giữa ngành, lĩnh vực đáp ứng định hướng trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm. Đầu tư phát triển kinh tế - xã hội

phải luôn coi trọng bảo vệ và cải thiện môi trường sống, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

Tăng cường hợp tác báo theo định kỳ, đẩy nhanh tiến độ giải ngân kế hoạch đầu tư công góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Quản lý chặt chẽ việc sử dụng nguồn vốn dự phòng trong kế hoạch đầu tư công. Kiểm soát chặt chẽ về mục tiêu, hiệu quả đầu tư, kế hoạch trả nợ đối với các nguồn vốn vay để đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.

#### *1.4.3. Đổi mới, cơ cấu lại khu vực sự nghiệp công lập*

*- Tiếp tục thực hiện giao quyền tự chủ đầy đủ về tài chính, tổ chức, biên chế và hoạt động cho các đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây viết tắt là ĐVSNCL).*

Về chuyển ĐVSNCL sang loại hình đơn vị tự chủ tài chính (gồm đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư): Kết quả từ 26 đơn vị năm 2015, đến nay có 39 ĐVSNCL tự chủ tài chính (tăng 13 đơn vị), chiếm tỷ lệ 4,78% so với tổng số ĐVSNCL (39/815).

*- Sắp xếp tổ chức lại các ĐVSNCL, thực hiện hoạch toán như doanh nghiệp đối với các ĐVSNCL có đủ điều kiện, cổ phần hóa các ĐVSNCL có đủ điều kiện, trừ các bệnh viện, trường học; giải thể các ĐVSNCL hoạt động kém hiệu quả; không để cổ phần hóa thành tư nhân hóa và xã hội hóa thành thương mại hóa dịch vụ công.*

Việc sắp xếp, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động của các ĐVSNCL trên địa bàn tỉnh luôn được quan tâm, chỉ đạo thực hiện quyết liệt, kịp thời. Đến thời điểm hiện nay, tổng số ĐVSNCL thuộc khối Nhà nước sắp xếp, giảm 164 đơn vị<sup>9</sup>, đạt tỷ lệ 15,47% so với số lượng ĐVSNCL năm 2018. Ngoài ra, thực hiện Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng, Quảng Ngãi đã sắp xếp, tổ chức lại 13 ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành thuộc các sở, ban, ngành còn lại 03 ban quản lý trực thuộc UBND tỉnh, giảm 10 ban quản lý. Đến tháng 02/2021, tiếp tục sắp xếp giảm 01 ban quản lý trực thuộc UBND tỉnh<sup>10</sup>.

Về thực hiện cắt giảm biên chế trong các ĐVSNCL: Trong giai đoạn 2015 - 2021, đã rà soát, giảm 2.841 biên chế sự nghiệp, đạt tỷ lệ 10,87% so với biên chế giao năm 2015. Giai đoạn tiếp theo, sẽ thực hiện lộ trình cắt

<sup>9</sup> Trong đó: lĩnh vực y tế giảm 25 đơn vị; lĩnh vực giáo dục - nghề nghiệp giảm 64 đơn vị; lĩnh vực Nông nghiệp giảm 37 đơn vị; lĩnh vực văn hóa giảm 12 đơn vị; lĩnh vực khoa học giảm 01 đơn vị; lĩnh vực tài nguyên và môi trường và sự nghiệp khác giảm 25 đơn vị.

<sup>10</sup> Sáp nhập Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn vào Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh.

giảm theo quy định và phù hợp với tình hình thực tiễn của địa phương.

#### 1.4.4. *Đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới*

- Giai đoạn 2016 - 2020, tỉnh đã ban hành nhiều nghị quyết về phát triển nông nghiệp, nông thôn. Các chính sách hỗ trợ của tỉnh đã góp phần đẩy mạnh phát triển nông nghiệp, thủy sản, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của người dân nông thôn; cơ cấu kinh tế nông nghiệp chuyển dịch đúng hướng; trình độ canh tác, hiệu quả sản xuất, năng suất, chất lượng và khả năng cạnh tranh của một số loại sản phẩm nông nghiệp được nâng cao.

Giá trị sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản giai đoạn 2016 - 2020 tăng bình quân 4,66%/năm. Trong đó, nông nghiệp tăng 2,02%, lâm nghiệp tăng 14,71% và thủy sản tăng 6,82%. Cơ cấu chuyển dịch theo hướng giảm dần tỷ trọng ngành nông nghiệp, tăng tỷ trọng lâm nghiệp và thủy sản.

Sau 05 năm thực hiện (2016 – 2020), Tỉnh ủy đã ban hành 02 kết luận, HĐND tỉnh ban hành 10 nghị quyết và UBND tỉnh đã ban hành 19 quyết định và nhiều văn bản chỉ đạo điều hành khác để đẩy mạnh thực hiện Chương trình xây dựng nông thôn mới. Đến nay, có 89 xã và 03 huyện đạt tiêu chí nông thôn mới, số tiêu chí bình quân/xã là 16,5 đạt 100% chỉ tiêu đề ra; không còn xã dưới 5 tiêu chí.

Đến 31/12/2020, toàn tỉnh có 210 hợp tác xã (*sau đây viết tắt là HTX*) nông nghiệp<sup>11</sup>, trong đó có 14 HTX trồng trọt, 02 HTX chăn nuôi, 02 HTX diêm nghiệp, 6 HTX nuôi trồng và khai thác thủy sản, 02 lâm nghiệp và 176 HTX tổng hợp và 08 HTX ngừng hoạt động, chờ giải thể. Hầu hết các HTX đã chuyển đổi hoạt động theo Luật Hợp tác xã 2012. Có trên 40 hợp tác xã tham gia liên kết với doanh nghiệp<sup>12</sup>; gần 50 doanh nghiệp có hợp đồng liên kết với hợp tác xã và nông dân với quy mô trên 1.324 ha; giữa doanh nghiệp và nông dân trên 2.677 ha. Các hợp tác xã từng bước đáp ứng được yêu cầu sản xuất và tiêu thụ nông sản của thành viên và các nông hộ. Doanh thu trung bình của 01 HTX khoảng 1.500 triệu đồng/năm; lợi nhuận trước thuế của HTX: 75 triệu đồng/năm; thu nhập bình quân từ lương của người lao động làm việc thường xuyên trong HTX: 35 triệu

<sup>11</sup> Đến 31/12/2020, toàn tỉnh có 202 HTXNN đang hoạt động, có: 134 HTX thực hiện xếp loại, trong đó có: 74 HTX hoạt động hiệu quả (tốt: 13, khá: 61), 110 HTX hoạt động chưa hiệu quả (trung bình: 98, yếu: 12) và 18 HTX không xếp loại là 18 HTX được thành lập mới trong năm 2020 (hoạt động chưa đủ 01 năm theo quy định không cần phải xếp loại).

<sup>12</sup> Một số liên doanh, liên kết giữa doanh nghiệp, hợp tác xã với nông dân đang phát huy hiệu quả như: Liên kết giữa các hộ nông dân, HTX tại huyện Sơn Hà để cung cấp các sản phẩm nông nghiệp đặc trưng của huyện vào hệ thống siêu thị Big C (Big C: Huế, Đà Nẵng, Quy Nhơn); liên kết sản xuất lúa gạo hữu cơ giữa Công ty TNHH Khoa học và Công nghệ Nông Tín với các HTX Hành Dũng, Hành Nhân quy mô 30ha,...

đồng/năm.

Xuất hiện nhiều mô hình HTX kiểu mới liên kết với doanh nghiệp và nông dân trong chuỗi giá trị sản xuất mang lại lợi ích thiết thực cho người nông dân như: Sản xuất lúa giống cho các doanh nghiệp, HTX chăn nuôi, HTX nấm, trồng rau an toàn,... Số HTX thành lập mới có xu hướng phát triển chuyên canh, chế biến sản phẩm theo mô hình chuỗi giá trị với đội ngũ cán bộ trẻ, nhiệt huyết.

*- Nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng khoa học – công nghệ và các quy trình sản xuất tiên tiến vào sản xuất, hướng tới nền nông nghiệp sạch, công nghệ cao, thân thiện với môi trường. Chuyển mạnh từ sản xuất lấy số lượng làm mục tiêu sang sản xuất nâng cao chất lượng, hiệu quả, có giá trị gia tăng cao, phù hợp với điều kiện biến đổi khí hậu, nước biển dâng để lựa chọn phát triển các sản phẩm phát huy lợi thế so sánh của từng địa phương, từng vùng và cả nước.*

Nghiên cứu và chuyển giao tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất, đặc biệt là ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ; đưa cơ giới hoá, khoa học công nghệ tiên tiến vào sản xuất, làm tăng năng suất lao động, hạ giá thành sản phẩm, nâng cao giá trị gia tăng của sản phẩm trên một đơn vị canh tác.

Trên địa bàn tỉnh có 110 doanh nghiệp sản xuất, thu mua, chế biến nông, lâm, thủy sản với các mặt hàng chính như: đường, mạch nha, tinh bột mì, gỗ xẻ, gỗ xây dựng cơ bản,..<sup>13</sup>. Hiện tại, các doanh nghiệp đang hoạt động rất hiệu quả, đầu tư, cải tiến công nghệ sản xuất liên tục và áp dụng các quy trình, hệ thống quản lý chất lượng, an toàn vệ sinh thực phẩm theo ISO, HACCP, GMP, SSOP; góp phần giải quyết nguồn nguyên liệu từ khai thác và nuôi trồng, giảm tổn thất sau thu hoạch, nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm, giải quyết việc làm cho người lao động.

Tổng diện tích dồn điền đổi thửa đến nay ước đạt 7.751,5 ha trên 263 cánh đồng tại 69 xã của 7 huyện, thị xã, thành phố. Từng bước khắc phục tình trạng manh mún ruộng đất, hình thành vùng sản xuất tập trung phù hợp với điều kiện của từng địa phương. Bình quân sau khi dồn điền đổi thửa, số thửa/hộ giảm từ 3 - 4 thửa/hộ xuống còn 1 - 2 thửa/hộ; diện tích tối thiểu là 1.000m<sup>2</sup>/thửa, thuận lợi cho việc phát triển giao thông và thủy lợi nội đồng, đưa cơ giới hóa vào sản xuất<sup>14</sup>, giảm chi phí đầu tư, tăng năng

<sup>13</sup>. Trong 5 năm, khối lượng các mặt hàng chính như sau: Đường 109.126 tấn; tinh bột mì 332.050 tấn; gỗ xẻ, gỗ xây dựng cơ bản 32.202 tấn; hải sản đông lạnh 56.660 tấn.

<sup>14</sup> Đến nay, trên địa bàn tỉnh có khoảng 3.637 chiếc máy làm đất, 1.379 chiếc máy phun thuốc BVTV, 969 chiếc máy gặt đập liên hợp; 01 chiếc máy trồng mía, 141 chiếc máy tẽ ngô. So với năm 2016, tăng 1.672 chiếc máy làm đất, 1.070 bình phun thuốc có động cơ, 445 chiếc máy gặt đập liên hợp. Tuy nhiên, cơ giới hóa sản xuất trồng trọt chưa đồng bộ, chủ yếu tập trung ở khâu làm đất và thu hoạch, khâu gieo sạ và chăm sóc còn ở rất thấp: Tỷ lệ

suất, sản lượng và chất lượng nông sản hàng hóa, hiệu quả kinh tế tăng lên rõ rệt<sup>15</sup>.

Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản được chú trọng. Từ năm 2016 đến nay, đã triển khai thực hiện 42 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh, chiếm 55,2% tổng số nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nghiên cứu ứng dụng và phát triển nông nghiệp toàn diện ở 03 lĩnh vực: trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản. Ngoài ra, có 10 nhiệm vụ cấp quốc gia đã được Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh, chủ yếu là trong lĩnh vực nông nghiệp. Các nhiệm vụ tập trung giải quyết những vấn đề lớn, mà địa phương chưa đủ điều kiện để nghiên cứu giải quyết, tìm ra những giải pháp thích hợp phát triển bền vững các sản phẩm chủ yếu của tỉnh. Tính đến nay đã có 03 dự án được nghiệm thu<sup>16</sup>, 07 nhiệm vụ đang triển khai thực hiện, đạt được một số kết quả bước đầu.

*- Tiếp tục đổi mới và phát triển các hình thức tổ chức sản xuất phù hợp; nhân rộng các mô hình tổ chức sản xuất mới, hiệu quả đã được kiểm chứng; phát triển các hình thức hợp tác, liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản theo chuỗi giá trị, kết nối với hệ thống tiêu thụ ở cả trong nước và ngoài nước; chuyển mạnh từ sản xuất theo hộ gia đình riêng lẻ theo mô hình sản xuất hợp tác, liên kết, tập trung, quy mô lớn; có cơ chế, chính sách khuyến khích, thu hút mạnh mẽ các doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn.*

Hàng năm, triển khai xây dựng trên 100 cánh đồng lớn trong sản xuất lúa, với quy mô 2.000 ha; nhiều cánh đồng được hỗ trợ 100% lúa giống và một phần vật tư; chi phí đầu tư thấp, lợi nhuận lại cao hơn trên cùng một chân đất và loại giống<sup>17</sup>. So với năng suất bình quân đại trà cao hơn từ 1,5 tạ/ha đến 8,0 tạ/ha. Ngoài ra, đẩy mạnh phát triển cây ăn quả tại một số địa phương có điều kiện thuận lợi nhất định như tại huyện Nghĩa Hành với diện tích thâm canh khoảng 250 ha<sup>18</sup>; diện tích trồng mới 43,25ha. Thị trường tiêu thụ chủ yếu được buôn bán lẻ ở chợ trong và ngoài tỉnh.

ơ giới hóa khâu làm đất 90 %, khâu gieo sạ 0,4%, khâu phun thuốc BVTV 45 %, thu hoạch bằng máy gặt đập liên hợp 70%. So với năm 2015, khâu làm đất tăng 5%, khâu thu hoạch máy gặt đập liên hợp tăng 10%.

<sup>15</sup> Ước khoảng trên 30% so với trước khi dồn điền đổi thửa.

<sup>16</sup> (1) Dự án “Ứng dụng KHCN xây dựng mô hình liên kết giữa doanh nghiệp-nông dân để sản xuất ngô thương phẩm làm nguyên liệu chế biến thức ăn chăn nuôi trên đất lúa kém hiệu quả ở huyện Sơn Tịnh”; (2) Dự án “Ứng dụng KHCN xây dựng mô hình cánh đồng lớn sản xuất nguyên liệu sản tại huyện Sơn Hà, tỉnh Quảng Ngãi”; (3) Dự án “Xây dựng và quản lý chỉ dẫn địa lý “Trà Bồng” cho sản phẩm quế của 02 huyện Trà Bồng và Tây Trà, tỉnh Quảng Ngãi”.

<sup>17</sup> Điển hình như giống lúa Bắc Thịnh, DT45, Đài Thơm 8, OM4900, MT10... năng suất bình quân đạt 66,9tạ/ha.

<sup>18</sup> Trong đó, diện tích dự án phát triển cây ăn quả của Sở KHCN 45 ha (đến nay còn 22,7 ha), huyện đầu tư 57,15 ha và diện tích do nhân dân tự đầu tư cải tạo vườn tạp.



Kinh tế trang trại, kinh tế vườn từng bước hình thành và phát triển. Đến nay, đã có 65/129 trang trại<sup>19</sup> được cấp giấy chứng nhận kinh tế trang trại. Hiện chỉ có 05 ha sản xuất rau an toàn theo tiêu chuẩn VietGap; có 07 xã với 705 hộ dân ký cam kết thực hiện sản xuất 125,5 ha rau, củ, quả đảm bảo an toàn thực phẩm. Hiện có 01/15 dự án<sup>20</sup> thuộc lĩnh vực trồng trọt sản xuất nông sản an toàn, công nghệ cao được cấp chủ trương đầu tư đã triển khai thực hiện; các dự án còn lại đang thực hiện giải phóng mặt bằng, sản xuất thử nghiệm.

Từng bước chuyển dịch cơ cấu chăn nuôi từ quy mô nông hộ nhỏ lẻ sang quy mô nông hộ lớn; hình thành một số khu, trang trại chăn nuôi có quy mô lớn từ 1.000 đến 6.000 con đoi với heo; 3.000 đến 5.000 con đoi với gia cầm.

*- Đẩy mạnh thực hiện chương trình xây dựng thương hiệu nông sản; có chính sách phù hợp để phát triển và tiêu thụ đối với các nhóm sản phẩm xuất khẩu chủ lực, có lợi thế địa phương và các đặc sản vùng miền.*

Xây dựng các tiêu chí về chứng nhận an toàn, chỉ dẫn xuất xứ hàng hóa đối với các sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm đặc thù, có lợi thế của từng địa phương đưa vào các hệ thống siêu thị, trung tâm phân phối trong và ngoài tỉnh. Trong đó, có 02 chỉ dẫn địa lý, 32 nhãn hiệu tập thể và 12 nhãn hiệu chứng nhận được cấp. Đây là tiền đề xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm đặc thù của các địa phương trong tỉnh. Một số nhãn hiệu như: Hành, tỏi Lý Sơn, Nếp ngự Sa Huỳnh, chè xanh Minh Long, “Nén Bình Phú”, Hành tím Bình Hải,... bước đầu đã phát huy hiệu quả, giá bán sản phẩm tăng từ 1,5 -2,0 lần.

*- Tiếp tục đầu tư phát triển, hiện đại hóa kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn; tăng cường năng lực phòng, chống, giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, hợp tác sử dụng có hiệu quả, bền vững nguồn nước xuyên quốc gia; bảo vệ môi trường sinh thái.*

Cùng với nguồn lực của Trung ương, địa phương còn tập trung huy động nguồn lực từ nhân dân để đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội vùng nông thôn, phát triển nông nghiệp. Trong 5 năm, tổng nguồn vốn huy động và lồng ghép để đầu tư nông thôn đạt 11.767 tỷ đồng; trong đó, ngân sách trung ương 1.474 tỷ đồng, vốn ngân sách địa phương 3.342 tỷ đồng, vốn lồng ghép từ chương trình khác là 3.086 tỷ đồng; vốn tín dụng 3.156 tỷ đồng, đóng góp của cộng đồng dân cư là 500 tỷ đồng;...

Nhiều công trình thủy lợi được đầu tư, nâng cấp và kiên cố hóa hệ

<sup>19</sup> Trong đó, có 88 trang trại chăn nuôi, 38 trang trại tổng hợp, 03 trang trại lâm nghiệp.

<sup>20</sup> Dự án QNASAFE. Các dự án còn lại đang trong giai đoạn GPMB, hoàn tất thủ tục xây dựng, sản xuất thử nghiệm chưa đi vào hoạt động chính thức.

thông kênh mương nội đồng. Đã xây mới và nâng cấp 26 hồ chứa nước; 16 đập dâng, đập ngăn mặn; 04 trạm bơm. Triển khai 08 dự án phục vụ tiêu úng, thoát lũ và 01 đê, kè chống sạt lở bờ biển; kiên cố hóa 549,2 km kênh mương các loại. Tỷ lệ cơ giới hóa trong sản xuất nông nghiệp từng bước tăng lên. Đến nay, toàn tỉnh có hơn 754 công trình thủy lợi, đảm bảo tưới cho 59,983 ha. Hạ tầng nghề cá được quan tâm đầu tư; trong giai đoạn 2016 – 2020 đã đầu tư xây dựng, nâng cấp 03 khu neo đậu, tránh trú bão: Mỹ Á (giai đoạn 2), Vũng neo đậu tàu thuyền đảo Lý Sơn (giai đoạn 2), Cảng cá và Trung tâm dịch vụ hậu cần nghề cá Sa Kỳ với năng lực thiết kế thấp nhất 350 tàu công suất đến 250CV.

#### *1.4.5. Cơ cấu lại một cách thực chất các ngành công nghiệp*

- Phát triển công nghiệp tiếp tục là nhiệm vụ đột phá của tỉnh trong giai đoạn 2016 - 2020. Thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XIX, Tỉnh ủy đã ban hành Kết luận số 18-KL/TU ngày 19/4/2016 về đẩy mạnh phát triển công nghiệp tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020; ban hành Chương trình hành động số 37-CTr/TU ngày 26/3/2019 thực hiện Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 22/3/2018 của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Theo đó, tỉnh ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp: lọc hóa dầu; công nghiệp có quy mô lớn gắn với cảng nước sâu Dung Quất (*cơ khí, luyện kim, đóng tàu,...*); điện năng; công nghiệp sản xuất các sản phẩm thay thế các mặt hàng nhập khẩu; công nghiệp có hàm lượng công nghệ cao, công nghiệp sạch; công nghiệp sử dụng nhiều lao động địa phương; công nghiệp chế biến sâu các mặt hàng nông, lâm, thủy sản và công nghiệp hỗ trợ cho các ngành lọc, hóa dầu, dệt may, điện tử.

Giá trị sản xuất công nghiệp năm 2020 đạt 132.117 tỷ đồng, tăng bình quân 3,75%. Trong đó, nếu không tính sản phẩm từ dầu tăng bình quân 24,89%/năm, tăng chủ yếu nhờ có sản phẩm công nghiệp mới là thép Hòa Phát – Dung Quất. Giá trị công nghiệp tăng thêm năm 2020 đạt 27.608 tỷ đồng, bình quân tăng 4,66%/năm. Tỷ lệ lao động công nghiệp – xây dựng trong tổng lao động của tỉnh chiếm 32%.

Trong giai đoạn 2016 - 2020, đã cấp chủ trương đầu tư cho 123 dự án lĩnh vực công nghiệp – xây dựng. Riêng Khu Kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp Quảng Ngãi cấp chủ trương đầu tư cho 85 dự án công nghiệp, tổng vốn đầu tư 123.981 tỷ đồng (tương đương 5,4 tỷ USD). Vốn thực hiện khoảng 2,94 tỷ USD, đạt 54% so với vốn đăng ký. Các nhà máy, cơ sở sản xuất công nghiệp ở nông thôn chủ yếu tập trung ở 18/23 cụm công nghiệp với diện tích 299 ha. Đến nay, đã thu hút được 139 dự án đăng ký đầu tư với tổng vốn đăng ký khoảng 2.525 tỷ đồng; có 88 dự án đi

vào hoạt động<sup>21</sup>, giải quyết việc làm cho khoảng 3.850 lao động với thu nhập bình quân 5 - 7 triệu đồng/tháng. Góp phần thúc đẩy phát triển công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp của các địa phương trong tỉnh.

Kết cấu hạ tầng Khu Kinh tế Dung Quất, các khu công nghiệp và cụm công nghiệp được quan tâm đầu tư nâng cấp, mở rộng. Đã thực hiện hoàn thành, đưa vào sử dụng nhiều công trình hạ tầng quan trọng, góp thúc đẩy phát triển Khu Kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp. Công tác thu hút đầu tư đối với lĩnh vực công nghiệp được chú trọng và đạt nhiều kết quả tích cực. Trong giai đoạn 2016 - 2020, Khu Kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp tỉnh đã thu hút được 171 dự án đầu tư với tổng vốn đầu tư khoảng 150 ngàn tỷ đồng (tương đương 6,6 tỷ USD)<sup>22</sup>; trong đó, có 31 dự án FDI với tổng vốn đầu tư đăng ký đạt 897 triệu USD. Giải quyết việc làm cho hơn 52.000 lao động. Trong đó, riêng Khu Công nghiệp - Dịch vụ - Đô thị VISIP thu hút 25 dự án đầu tư với tổng vốn đăng ký đầu tư 832,7 triệu USD; có 12 dự án đã đi vào hoạt động, giải quyết việc làm cho trên 11.000 lao động.

Ngoài nguồn vốn ngân sách nhà nước, tỉnh cũng tập trung thu hút các nguồn lực xã hội và hỗ trợ các nhà đầu tư để đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng phục vụ phát triển như: Hạ tầng các Khu Công nghiệp VSIP, Khu Đô thị - Công nghiệp Dung Quất, Khu Công nghiệp Bình Hòa - Bình Phước,... Thủ tướng Chính phủ cũng đã thống nhất, giao cho Bộ Công Thương chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Xây dựng và các cơ quan liên quan tổ chức nghiên cứu xây dựng Đề án Quy hoạch Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng Quốc gia tại Khu Kinh tế Dung Quất để trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định theo thẩm quyền<sup>23</sup>.

*- Tập trung vào những ngành công nghiệp nền tảng, có lợi thế cạnh tranh và có ý nghĩa chiến lược đối với tăng trưởng nhanh, bền vững; lựa chọn sản phẩm chủ yếu của ngành công nghiệp chủ lực để ưu tiên phát triển, cơ cấu lại; phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo, tăng mạnh năng suất nội bộ ngành, tăng hàm lượng công nghệ và tỷ trọng giá trị nội địa trong sản phẩm.*

Ngành công nghiệp là trụ cột trong tăng trưởng và phát triển kinh tế

<sup>21</sup> Các ngành nghề sản xuất chính tại các cụm công nghiệp gồm: Dăm gỗ nguyên liệu giấy, chế biến gỗ, dệt may, gạch ngói không nung, nha glucose công nghiệp, phân bón NPK, phân vi sinh, đóng mới và sửa chữa tàu thuyền, tấm lợp fibrocement, giấy cuộn kraft các loại, dừa tre tiện dụng, bánh tráng, tinh dầu trầm hương, chế biến muối tinh và iốt, sản xuất thùng xốp EPS, v.v...

<sup>22</sup> Lũy kế đến nay tại KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi có 355 dự án còn hiệu lực với tổng vốn đầu tư 379.359 tỷ đồng (khoảng 18,08 tỷ USD); trong đó, có 54 dự án FDI với tổng vốn đăng ký đầu tư khoảng 1,904 tỷ USD và 301 dự án trong nước với tổng vốn đăng ký 336.838 tỷ đồng (khoảng 16,17 tỷ USD).

<sup>23</sup> Thông báo số 215/TB-VPCP ngày 11/6/2018 của Văn phòng Chính phủ về Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh Quảng Ngãi.

của tỉnh, tập trung chủ yếu vào các sản phẩm trong nhóm ngành công nghiệp chế biến, chế tạo, chiếm hơn 98% giá trị sản xuất công nghiệp như: công nghiệp lọc hóa dầu (năm 2020, tỷ trọng hơn 60%), công nghiệp chế biến thực phẩm, đồ uống<sup>24</sup> (tỷ trọng hơn 8%), công nghiệp sản xuất máy móc, thiết bị cơ khí (tỷ trọng hơn 4%) và sản phẩm mới từ ngành công nghiệp luyện kim, sản xuất kim loại (tỷ trọng gần 4%). Công nghiệp chế biến lâm sản cũng là một trong những ngành có thế mạnh của tỉnh, chủ yếu nhờ lợi thế nguồn nguyên liệu trồng rừng tại chỗ (tỷ trọng 2,5%); công nghiệp sản xuất thiết bị điện tử, sản phẩm quang học mới hình thành từ năm 2012, sản phẩm chủ yếu để xuất khẩu; công nghiệp dệt may, da giày là ngành có lợi thế phát triển của tỉnh nhờ có nguồn lao động tương đối dồi dào, tăng trưởng hàng năm đạt tỷ lệ cao (12,7%/năm). Các nhóm ngành công nghiệp khai khoáng, nhóm ngành công nghiệp sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nhóm ngành cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải chiếm tỷ trọng nhỏ trong giá trị sản xuất công nghiệp.

Ngoài các sản phẩm của Nhà máy lọc dầu Dung Quất, các sản phẩm cơ khí, thiết bị công nghiệp nặng của Công ty Doosan Vina,... không chỉ cung cấp cho thị trường trong nước mà còn xuất khẩu đi gần 20 nước tiên tiến trên thế giới mang lại giá trị xuất khẩu cao, mở rộng thêm thị trường các nước như Trung Đông, Ấn Độ, Mỹ, Canada, Úc,... Đặc biệt, trong năm 2017, Tập đoàn Hòa Phát đã khởi công đầu tư xây dựng Khu liên hợp gang thép Hòa Phát Dung Quất với tổng mức đầu tư khoảng 60.000 tỷ đồng và đã cho ra sản phẩm trong năm 2019. Trong 6 tháng đầu năm 2021, tỉnh cũng đã cấp phép đầu tư cho dự án Khu liên hợp sản xuất gang thép Hòa Phát Dung Quất 2 với tổng vốn đầu tư 3,7 tỷ USD (tương ứng 85.000 tỷ đồng).

Công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, thực phẩm, nước uống phát triển mạnh nhờ khai thác tốt lợi thế nguồn nguyên liệu tại chỗ, đặc biệt là đối với các sản phẩm như: đường RS, bánh kẹo, nước khoáng, tinh bột mỳ, đồ gỗ, nguyên liệu giấy, thủy sản. Ngành công nghiệp hỗ trợ cho ngành cơ khí, điện - điện tử từng bước hình thành nhưng quy mô, mức độ còn nhỏ; riêng sản phẩm hỗ trợ cho ngành dệt may tương đối phát triển<sup>25</sup>.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XX, Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã ban hành Nghị quyết chuyên đề số 01-NQ/TU ngày 11/5/2021 về huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực để đẩy mạnh

<sup>24</sup> Một số sản phẩm như: Thủy sản, đường RS, tinh bột mỳ, bánh kẹo, nước khoáng, sữa, bia...

<sup>25</sup> NM sản xuất sợi và vải của Công ty TNHH XinDaDong Textiles, công suất 45.000 tấn sợi dệt, 50.000m vải và khoảng 10 triệu sản phẩm may mặc/năm; NM sản xuất vải Zigui Jisheng – WangSheng Dung Quất, công suất 40 triệu m<sup>3</sup> vải/năm; NM sản xuất sợi ShengYang Dung Quất, công suất 400 tấn/năm và Nhà máy sản xuất phụ kiện may mặc Freetex Group.

phát triển công nghiệp; theo đó phát triển công nghiệp hài hòa theo cả chiều rộng và chiều sâu, lấy tăng trưởng, phát triển theo chiều sâu làm hướng chủ đạo; trên cơ sở gắn kết hoàn thiện, đồng bộ các cơ chế, chính sách, tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi; huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực và thực hiện tái cơ cấu ngành công nghiệp, tạo đột phá trong nâng cao năng suất lao động, chất lượng, sức cạnh tranh. Tập trung phát triển một số ngành công nghiệp nền tảng như công nghiệp năng lượng, lọc hóa dầu, hóa chất, cơ khí chế tạo, luyện kim, vật liệu... Ưu tiên phát triển mạnh mẽ một số ngành công nghiệp mũi nhọn, công nghệ mới, công nghệ cao như công nghệ thông tin - viễn thông, công nghiệp điện tử, công nghiệp hóa dược, sản xuất chế phẩm sinh học, công nghiệp môi trường, công nghiệp năng lượng sạch, năng lượng tái tạo, năng lượng thông minh, công nghiệp chế biến, chế tạo phục vụ nông nghiệp, vật liệu mới và công nghiệp hỗ trợ liên quan đến hóa dầu, luyện kim, cơ khí, điện - điện tử, chế biến nông, lâm, thủy sản. Tiếp tục phát triển công nghiệp dệt may, da giày, tập trung vào các khâu tạo giá trị gia tăng cao.

Để chủ động hỗ trợ thúc đẩy các ngành công nghiệp của tỉnh phát triển khi Việt Nam tham gia vào nhiều hiệp định thương mại tự do, đã ban hành nhiều kế hoạch để tổ chức thực hiện, như: Kế hoạch cải thiện Chỉ số hiệu quả logistics trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi; Kế hoạch thực hiện Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP); Kế hoạch thực hiện Hiệp định thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên minh Châu Âu (EVFTA) của tỉnh Quảng Ngãi.

*- Xây dựng và thực hiện chính sách công nghiệp quốc gia, tạo khuôn khổ chính sách đồng bộ, trọng tâm, đột phá hướng vào tăng năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh.*

Đề ngành công nghiệp luôn giữ vai trò đột phá trong thời gian đến, tỉnh Quảng Ngãi đang chỉ đạo xây dựng Đề án “Tái cơ cấu ngành công nghiệp đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045” nhằm thúc đẩy công nghiệp phát triển theo hướng thực chất, tăng năng suất, chất lượng, giá trị gia tăng, hiệu quả, tăng sức cạnh tranh sản phẩm hàng hóa, dựa trên cơ sở ứng dụng khoa học, công nghệ.

*1.4.5. Thực hiện cơ cấu lại và phát triển nhanh các ngành dịch vụ, duy trì tốc độ tăng trưởng các ngành dịch vụ cao hơn tốc độ tăng trưởng GRDP*

Phát triển dịch vụ, du lịch và kinh tế biển, đảo được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh trong giai đoạn 2016 - 2020. Giá trị sản xuất ngành dịch vụ giai đoạn 2016 - 2020 có tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 5,2%/năm. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng năm

2020 đạt 53.585 tỷ đồng<sup>26</sup>, gấp 1,4 lần so với năm 2015.

Hình thức bán lẻ ngày càng đa dạng và phong phú. Bên cạnh hệ thống chợ được củng cố và phát triển, các siêu thị, trung tâm thương mại được đầu tư, phát triển; chất lượng hàng hoá ngày càng đảm bảo, giá cả được niêm yết, tạo sự thuận tiện, yên tâm cho người tiêu dùng.

Hoạt động vận tải có những chuyển biến tích cực cả về số lượng và chất lượng phục vụ. Các doanh nghiệp vận tải không ngừng đổi mới phương thức kinh doanh, phục vụ để nâng cao chất lượng vận chuyển. Dịch vụ bưu chính, viễn thông có sự phát triển mạnh. Mạng lưới bưu chính, viễn thông, Internet được đầu tư, phát triển mở rộng đến nông thôn, vùng sâu, vùng xa; đảm bảo chất lượng, tốc độ và giá cả hợp lý. Hoạt động ngân hàng hoạt động ổn định, hiệu quả, có nhiều chuyển biến tích cực.

Hoạt động du lịch ngày càng phát triển, nhất là du lịch Lý Sơn. Công tác quảng bá, xúc tiến du lịch được đẩy mạnh. Các điểm tham quan, du lịch ngày càng được mở rộng, phát triển, ngoài các khu, điểm du lịch đã cơ bản hình thành như Mỹ Khê, Sa Huỳnh,... Đồng thời, đã và đang đầu tư, hình thành các khu, điểm du lịch mới như: Suối nước nóng Nghĩa Thuận, Thác Trắng, Khu du lịch sinh thái Bãi Dừa, Khu du lịch Suối chí Nghĩa Hành;... các loại hình sản phẩm du lịch như du lịch biển đảo, du lịch nghỉ dưỡng, sinh thái, du lịch cộng đồng bắt đầu phát triển đạt kết quả tốt. Đến năm 2019, lượng du khách đạt 1.041.000 người; đến năm 2020 do ảnh hưởng nặng nề bởi dịch Covid-19, ước lượng khách du lịch chỉ đạt khoảng 453.000 người. Đến nay, đã thu hút 37 dự án đầu tư vào lĩnh vực du lịch, với tổng vốn 15.000 tỷ đồng. Hiện có 17 doanh nghiệp kinh doanh lữ hành<sup>27</sup>; có khoảng 360 cơ sở lưu trú, tăng 85 cơ sở so với năm 2015, với hơn 4.500 buồng, phòng.

Kim ngạch xuất khẩu năm 2020 đạt 1.408 triệu USD, gấp 3,6 lần so với năm 2015. Tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu ngành công nghiệp nặng và khoáng sản chiếm tỷ trọng lớn; công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp như: sợi dệt, hàng điện tử, may mặc có mức độ tăng trưởng khá cao. Năm 2020, có sản phẩm xuất khẩu mới từ thép của Hòa Phát đạt 477 triệu USD, chiếm 34% tổng kim ngạch xuất khẩu. Bên cạnh đó, kim ngạch hàng nông sản cũng có tỷ trọng tăng đáng kể, năm 2020, tỷ trọng 7,8%, chủ yếu từ xuất khẩu tinh bột mỳ; kim ngạch xuất khẩu dăm gỗ nguyên liệu giấy có xu hướng ngày càng tăng. Thị trường xuất khẩu ngày càng đa dạng.

***1.5. Phát triển mạnh khu vực kinh tế tư nhân cả về số lượng, chất lượng, thực sự là một động lực quan trọng trong phát triển kinh tế***

<sup>26</sup> Theo giá hiện hành.

<sup>27</sup> Tăng 12 doanh nghiệp so với cuối năm 2016.

Tỉnh ủy Quảng Ngãi đã ban hành Chương trình hành động số 25-CTr/TU ngày 28/8/2017 thực hiện Nghị quyết số 10-NQ/TW ngày 03/6/2017 của Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về phát triển kinh tế tư nhân trở thành một động lực quan trọng của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa<sup>28</sup>.

Thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã ban hành Quyết định số 1197/QĐ-UBND<sup>(29)</sup> ngày 05/7/2016; theo đó, đã chỉ đạo, giao nhiệm vụ cụ thể cho từng sở, ban, ngành, địa phương, các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện Nghị quyết gắn với chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị, địa phương; công bố số điện thoại, địa chỉ thư điện tử của lãnh đạo tỉnh để tiếp nhận kiến nghị, yêu cầu của doanh nghiệp và chỉ đạo, giao nhiệm vụ xử lý. Tổ chức hiệu quả, thành công các buổi đối thoại giữa lãnh đạo tỉnh với cộng đồng doanh nghiệp theo định kỳ nhằm trao đổi, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp. Ký cam kết giữa tỉnh Quảng Ngãi với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam ngày 10/8/2016 về việc tạo lập môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp.

Hỗ trợ kinh tế tư nhân đổi mới, sáng tạo, hiện đại hóa công nghệ và phát triển nguồn nhân lực, nâng cao năng suất lao động. Thông qua Chương trình hỗ trợ đổi mới thiết bị công nghệ đã hỗ trợ cho 17 dự án đổi mới thiết bị, công nghệ trong sản xuất kinh doanh; Chương trình Phát triển tài sản trí tuệ đã xét duyệt, thẩm định hồ sơ và hỗ trợ cho 72 hồ sơ của 45 tổ chức doanh nghiệp, trong đó có 64 nhãn hiệu hàng hóa và 8 hồ sơ tham gia hội chợ/đạt giải thưởng Hội chợ quốc tế và thương hiệu nổi tiếng tại Việt Nam; Chương trình nâng cao năng suất chất lượng hỗ trợ 83 lượt doanh nghiệp áp dụng hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến năng suất chất lượng, chứng nhận hợp chuẩn sản phẩm, hàng hóa và tham gia Giải thưởng Chất lượng. Một số doanh nghiệp sau khi áp dụng công cụ, mô hình nâng cao năng suất và chất lượng như 5S, LEAN,... năng suất đã có sự cải thiện rõ rệt, tăng đến 20 - 30%. Có 23 lượt doanh nghiệp đã được hỗ trợ tham gia và đạt giải thưởng Chất lượng Quốc gia và hàng Việt Nam chất lượng cao.

*- Thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển mạnh khu vực doanh nghiệp chính thức có đăng ký, giảm dần và thu hẹp quy mô kinh doanh phi chính thức.*

<sup>28</sup> UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 6089/KH-UBND ngày 03/10/2017 thực hiện Chương trình hành động số 25-CTr/TU ngày 28/8/2017.

<sup>15</sup> Quyết định số 1197/QĐ-UBND ngày 05/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh về Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16/5/2016 của Chính phủ về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020 của tỉnh Quảng Ngãi.

Lũy kế đến 31/12/2020, trên địa bàn tỉnh có 9.192 doanh nghiệp được thành lập, trong đó: có 6.578 doanh nghiệp đang hoạt động (chiếm 72% trên tổng số doanh nghiệp đã đăng ký mã số thuế). Trong giai đoạn 2016 - 2020 có 3.694 doanh nghiệp được thành lập, chiếm 56% số doanh nghiệp đang hoạt động và 40% so với tổng số doanh nghiệp được thành lập; trung bình một năm có gần 740 doanh nghiệp được thành lập.

*- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, giảm cơ bản gánh nặng chi phí đối với doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa; đổi mới cách thức quản lý và thái độ làm việc của cán bộ, công chức theo hướng hỗ trợ và phục vụ doanh nghiệp; công khai, minh bạch, tăng cường kỷ luật, kỷ cương đối với cán bộ, công chức, cơ quan nhà nước, xử lý nghiêm các tiêu cực, những nhiễu.*

Công tác giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) một số ngành, lĩnh vực liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp như thủ tục đất đai, môi trường, thủ tục khai báo thuế, đăng ký doanh nghiệp, đầu tư,... ngày càng được tinh gọn, giảm thời gian xử lý như: thời gian giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của Sở Tài nguyên và Môi trường rút ngắn được 2-5% thời gian; công tác kiểm tra, nghiệm thu, đưa công trình vào sử dụng còn 10 ngày (trước đây là 15 ngày); thời gian thành lập doanh nghiệp: dưới 1,5 ngày làm việc (giảm 1,5 ngày); thời gian giải quyết thủ tục hành chính về đầu tư đối với dự án thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư 22 ngày (giảm 2 ngày) và đối với dự án thuộc diện điều chỉnh quyết định chủ trương đầu tư: 16 ngày (giảm 2 ngày);...

Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Quảng Ngãi chính thức đi vào hoạt động từ ngày 04/4/2018, là đầu mối tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả tập trung quy mô lớn nhất tỉnh, với gần 1.500 thủ tục của 16 sở, ngành. Tính từ ngày Trung tâm bắt đầu đi vào hoạt động đến nay, tỷ lệ hồ sơ trả kết quả giải quyết đúng hạn bình quân đạt gần 96%; tỷ lệ hồ sơ trả trước hạn, đúng hạn của các sở tăng bình quân từ 30% - 40% so với trước khi đưa vào thực hiện tập trung tại Trung tâm.

Công khai minh bạch trên Internet về thủ tục hành chính và niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan, đơn vị nơi trực tiếp giải quyết thủ tục hành chính. Chủ động bố trí, sắp xếp cán bộ có năng lực, trách nhiệm trong hướng dẫn chuẩn bị hồ sơ, tiếp nhận, xử lý các thủ tục hành chính đảm bảo đúng tiến độ quy định.

**1.6. *Đổi mới cách thức thực hiện liên kết, phối hợp giữa các địa phương trong phát triển kinh tế vùng; thực hiện có hiệu quả quá trình đô thị hóa***

*- Các địa phương trong vùng phối hợp xây dựng các đề án, thỏa*



*thuận phối hợp, liên kết phát triển kinh tế - xã hội; phối hợp ban hành và thực hiện chính sách thu hút đầu tư, xúc tiến đầu tư, ưu tiên các ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế cạnh tranh.*

Đẩy mạnh thực hiện liên kết vùng, nhất là Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung để phát huy tối đa lợi thế của từng vùng trong quá trình hội nhập quốc tế. Quảng Ngãi là 1 trong 5 tỉnh, thành phố của Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung. Thời gian qua, Quảng Ngãi đã tích cực phối hợp với các bộ, ngành Trung ương và các địa phương trong Vùng xây dựng các kế hoạch, chương trình, dự án nhằm phát triển vùng như: đầu tư kết cấu hạ tầng, nhất là hệ thống hạ tầng giao thông kết nối; liên kết xúc tiến thu hút đầu tư, xúc tiến thương mại; liên kết phát triển du lịch; tham gia xây dựng cơ chế, chính sách chung của Vùng.

Đã ưu tiên hoàn thành các trục kết nối liên tỉnh, liên vùng, hệ thống đường cao tốc, đường bộ, như: đường cao tốc Đà Nẵng - Quảng Ngãi; mở rộng Quốc lộ 1A đoạn qua Quảng Ngãi (Km 1051+845-Km 1055+280); Đường ven biển tỉnh Quảng Nam; Dự án Cải tạo, nâng cấp các đoạn xung yếu trên Quốc lộ 24 (nối Quảng Ngãi với Kon Tum).

Phối hợp triển khai các Chương trình liên kết, hợp tác phát triển du lịch giữa Quảng Ngãi - Quảng Nam - Đà Nẵng và chương trình liên kết, hợp tác phát triển du lịch giữa Quảng Ngãi - Quảng Nam - Đà Nẵng - Huế - Thành phố Hồ Chí Minh để gắn kết các khu du lịch trọng điểm của các tỉnh, thành phố, khai thác lượng khách du lịch quốc tế theo tuyến hành trình di sản miền Trung qua Đà Nẵng, Quảng Nam, Huế đến với đảo Lý Sơn - Quảng Ngãi. Ngoài ra, liên kết giữa các tỉnh trong vùng Duyên hải Nam Trung Bộ và Tây Nguyên để phát triển du lịch.

Định kỳ hàng năm, phối hợp với Bộ Công Thương, chủ trì tổ chức Hội nghị Khuyến công quốc gia các tỉnh miền Trung - Tây nguyên (năm 2016); tổ chức “Hội nghị kết nối cung - cầu Quảng Ngãi (năm 2017); tổ chức Hội chợ triển lãm Công Thương duyên hải miền Trung - Quảng Ngãi (năm 2017); tổ chức Hội nghị kết nối tiêu thụ dưa hấu và nông sản có thể mạnh tại tỉnh Quảng Ngãi (năm 2018); tham dự Hội thảo “Liên kết khai thác du lịch nông nghiệp, văn hóa, sinh thái dựa vào cộng đồng trong xây dựng nông thôn mới tại Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung” (năm 2019); tham dự trực tuyến Diễn đàn liên kết, hợp tác phát triển du lịch Vùng Kinh tế trọng điểm miền Trung với Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Hà Nội (năm 2020); qua đó, tăng cường kết nối các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân hợp tác trong sản xuất, cung ứng, tiêu thụ hàng hóa, thương mại và dịch vụ.

*- Thực hiện có hiệu quả quá trình đô thị hóa trong tiến trình công*

*nghiệp hóa, hiện đại hóa; kiểm soát chặt chẽ quá trình phát triển đô thị, hoàn thiện mô hình phát triển kinh tế đô thị.*

Công tác quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị sớm được triển khai, đảm bảo tính đồng bộ, đầy đủ, là tiền đề tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý, thu hút đầu tư và triển khai các dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng trên địa bàn tỉnh. Ban hành Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2016 - 2020, định hướng 2025; phê duyệt Chương trình phát triển đô thị của các huyện, thị xã, thành phố nhằm tổ chức quản lý phát triển đô thị, tích cực, chủ động tìm kiếm, huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng và phát triển đô thị theo kế hoạch đề ra.

Tỉnh hiện có 13 đô thị, trong đó có 01 thành phố loại II, 01 đô thị loại IV, 11 thị trấn, đô thị mới loại V và 03 trung tâm huyện lỵ. Đến nay, đã hoàn thành việc phủ kín quy hoạch chung cho tất cả các quy hoạch đô thị này. Triển khai lập, thẩm định 109 quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết tại các địa phương. Tổ chức điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thành phố Quảng Ngãi; Quy hoạch phân khu các khu vực của thành phố Quảng Ngãi; Quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 hai bên bờ sông Trà Khúc; Quy hoạch chi tiết Công viên trung tâm của thành phố; Quy hoạch chi tiết Khu văn hóa Thiên Mã; Quy hoạch phân khu Tịnh Kỳ - Tịnh Hòa; Quy hoạch cốt nền và thoát nước mưa trên địa bàn tỉnh; Quy hoạch hệ thống thu gom và thoát nước thải trên địa bàn tỉnh làm cơ sở đầu tư xây dựng phát triển đô thị cũng như quản lý.

Hệ thống hạ tầng tại các đô thị từng bước được quan tâm đầu tư phát triển. Kết cấu hạ tầng kỹ thuật thiết yếu của đô thị (giao thông, cấp điện, thoát nước,...) được chú trọng, bước đầu được ưu tiên bố trí nguồn vốn để thực hiện. Hạ tầng đô thị và các khu dân cư từng bước được cải tạo, chỉnh trang nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật nội bộ<sup>30</sup>. Thực hiện đầu tư, phát triển hệ thống hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh tương đối đồng bộ, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu đi lại của nhân dân; các tuyến đường hiện nay về cơ bản đã đảm bảo kết nối giữa tỉnh Quảng Ngãi với các tỉnh trong khu vực; đảm bảo kết nối trung tâm của tỉnh tới trung tâm các huyện, Khu Kinh tế Dung Quất và các khu công nghiệp.

<sup>30</sup> Các đô thị đều được cấp điện từ lưới điện quốc gia, Thành phố Quảng Ngãi, Đức Phổ đã đầu tư xây dựng hệ thống điện chiếu sáng tương đối đồng bộ. Nhiều đô thị đã có các đường ống cấp nước sinh hoạt, riêng Khu kinh tế Dung Quất và thành phố Quảng Ngãi có hệ thống cấp nước với phạm vi cấp nước khá rộng.

Hệ thống công viên, cây xanh tại các đô thị lớn như thành phố Quảng Ngãi, Đức Phổ từng bước được quan tâm đầu tư chăm sóc; các đô thị còn lại chủ yếu chỉ trồng thêm được một số tuyến cây xanh dọc theo các trục giao thông chính, kết hợp cải tạo lại các vườn hoa công viên nhỏ hiện có tại khu vực trung tâm đô thị.

Tỷ lệ tuyến đường trên địa bàn TP Quảng Ngãi có hệ thống thoát nước mưa hoàn chỉnh đạt khoảng 70%, các đô thị thuộc các huyện chỉ thực hiện được các tuyến thoát nước mưa dọc theo trục đường chính. Hầu hết các đô thị chưa được đầu tư xây dựng hệ thống thu và xử lý nước thải (chỉ đầu tư trong các dự án khu dân cư).

Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh đến năm 2020 đạt 24,5%. Tỷ lệ thu gom rác thải rắn của các đô thị và khu dân cư đạt 55% - 65%, riêng thành phố Quảng Ngãi tỷ lệ thu gom trên 85%. Tỷ lệ dân số tại đô thị được cấp nước sạch đạt 89%. Phát triển hệ thống hạ tầng xã hội (nhà ở, công trình công cộng, công viên, cây xanh,...). Hệ thống cơ sở giáo dục, y tế, thiết chế văn hóa thể thao được quy hoạch và triển khai đầu tư.

### ***1.7. Đổi mới mô hình tăng trưởng gắn với bảo đảm quốc phòng, an ninh***

*- Phát triển kinh tế biển, gắn với bảo vệ vững chắc chủ quyền, quyền chủ quyền, quyền tài phán quốc gia trên biển và nâng cao đời sống nhân dân vùng biển, đảo được chú trọng thực hiện.*

Phát triển dịch vụ, du lịch và kinh tế biển, đảo được xác định là nhiệm vụ trọng tâm của tỉnh trong giai đoạn 2016 - 2020. Để phát triển kinh tế biển, đảo theo hướng toàn diện, bền vững, phát huy có hiệu quả, hợp lý mọi tiềm năng lợi thế từ biển, đảo, Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 01/7/2016 về đẩy mạnh phát triển kinh tế biển, đảo tỉnh Quảng Ngãi, giai đoạn 2016 - 2020, UBND tỉnh đã ban hành Kế hoạch số 1345/KH-UBND ngày 10/8/2015 về đảm bảo trật tự trị an, an toàn cho nhân dân và các hoạt động kinh tế biển, đảo tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2015 - 2020. Qua đó, các đơn vị liên quan và các địa phương ven biển đã thực hiện có hiệu quả các chính sách của tỉnh và Trung ương về thu hút đầu tư hạ tầng khu vực ven biển; hạ tầng phục vụ các lĩnh vực nuôi trồng, khai thác và chế biến thủy sản; hình thành và phát triển các mô hình liên kết, hợp tác khai thác hải sản xa bờ tiếp tục được nhân rộng,...

Kết cấu hạ tầng khu vực ven biển, đảo đã từng bước được đầu tư nâng cấp, mở rộng đồng bộ, hiện đại theo hướng gắn phát triển công nghiệp với chuỗi đô thị, dịch vụ - du lịch; quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường được chú trọng; quốc phòng - an ninh trên biển được tăng cường; đời sống nhân dân vùng biển, đảo được cải thiện đáng kể, góp phần tạo động lực phát triển kinh tế biển, đảo nói riêng; kinh tế - xã hội toàn tỉnh nói chung;...

Khu Kinh tế Dung Quất và hạ tầng ven biển có nhiều đột phá với các dự án kinh tế trọng điểm, các khu đô thị, công trình hạ tầng đã và đang được triển khai thực hiện, như: Cầu Cửa Đại; Đập dâng sông Trà Khúc; Đường ven biển Dung Quất - Sa Huỳnh, giai đoạn 2; Đập ngăn mặn Bình Nguyên - Bình Phước;... Một số dự án đã đi vào hoạt động như: Nhà máy lọc dầu Dung Quất, Khu liên hợp Gang thép Hòa Phát Dung Quất, Khu công nghiệp VSIP Quảng Ngãi,... tạo việc làm cho hàng chục nghìn lao động địa phương.

Hạ tầng nghề cá được quan tâm đầu tư. Diện tích nuôi trồng thủy sản hàng năm biến động từ 1.450 ha đến 1.600 ha. Năm 2020, sản lượng ước đạt 8.339 tấn, tăng thấp so với năm 2015 (chỉ tăng 2.307 tấn); tăng chủ yếu do đẩy mạnh chuyển đổi cơ cấu, đa dạng đối tượng như tôm hùm, cá bớp, hào Thái Bình Dương, ốc hương... Sản lượng thủy sản chế biến ước đạt 9.500 tấn, giảm 500 tấn so với năm 2015<sup>31</sup>, chủ yếu là sơ chế, thủy sản đông lạnh. Diện tích sản xuất muối đến năm 2020 giảm còn 103 ha<sup>32</sup>, sản lượng khoảng 8.000 tấn.

Lĩnh vực du lịch biển, đảo khởi sắc với nhiều chương trình, sản phẩm du lịch gắn liền với huyện Lý Sơn, biển Mỹ Khê, Khu du lịch Sa Huỳnh,... và một số di tích lịch sử, văn hóa phi vật thể, các lễ hội vùng ven biển, đảo được khai thác. Trong đó, “điểm nhấn” là kết cấu hạ tầng phục vụ du lịch biển, đảo tiếp tục đầu tư hoàn thiện, phát triển.

Đầu tư xây dựng và đưa vào sử dụng cầu Cổ Lũy không chỉ tạo diện mạo mới cho đô thị hướng biển, kết nối tuyến đường chiến lược Dung Quất - Sa Huỳnh, mà còn tạo động lực thu hút nhiều dự án đầu tư trong và ngoài nước, góp phần hình thành các khu dân cư, khu đô thị ven biển, mang lại luồng gió mới cho khu vực ven biển, từng bước hiện thực hóa mục tiêu “đô thị xanh, đô thị hướng biển”. Vận tải biển tuyến Sa Kỳ - Lý Sơn từng bước phát triển, đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch Lý Sơn<sup>33</sup>.

### ***1.8. Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực, hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước***

*- Đổi mới phương thức quản lý nhà nước về kinh tế theo hướng xây dựng nhà nước quản lý và phục vụ; đồng thời, tăng cường khả năng điều tiết, giám sát, kiểm tra và thanh tra theo mức độ rủi ro và tuân thủ pháp luật của đối tượng quản lý; xử lý nghiêm những hành vi vi phạm pháp luật.*

Tập trung thanh tra vào những vấn đề, lĩnh vực, dự án có nguy cơ thất thoát ngân sách nhà nước, tài sản, tài nguyên, nguy cơ tham nhũng, lãng phí cao; đồng thời, triển khai kịp thời việc thanh tra theo đúng chỉ đạo của Thanh tra Chính phủ, Thường trực Tỉnh ủy. Chú trọng chỉ đạo nâng cao chất lượng các kết luận thanh tra, đặc biệt phát hiện sự bất cập về cơ chế, chính sách để kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoàn thiện hệ thống pháp luật về lĩnh vực quản lý kinh tế, xã hội. Từ năm 2017 đến nay, qua thanh tra, đã kiến nghị hoàn thiện 16 cơ chế, chính sách.

Thực hiện tốt nhiệm vụ xử lý chồng chéo, trùng lặp kế hoạch thanh

<sup>31</sup> Do ảnh hưởng dịch Covid-19 dẫn đến sản lượng chế biến, xuất khẩu giảm.

<sup>32</sup> Năm 2015, diện tích làm muối khoảng 131 ha.

<sup>33</sup> Tuyến Sa Kỳ - Lý Sơn đã phát triển 35 phương tiện, trong đó có 24 tàu cao tốc (trọng tải từ 20 - 260 khách); 11 tàu hàng vận chuyển nhu yếu phẩm và hàng hóa (trọng tải từ 30 - 95 tấn).

tra, kiểm tra doanh nghiệp (từ năm 2017 đến năm 2021, có 1.278 đơn vị, doanh nghiệp có số cuộc thanh tra, kiểm tra trên 01 cuộc/năm theo kế hoạch đã được xử lý chỉ còn thanh tra, kiểm tra 01 cuộc/năm), nhờ đó đã giảm thiểu phiền hà cho doanh nghiệp theo đúng Chỉ thị số 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ.

Thực hiện nghiêm việc công khai trong hoạt động thanh tra, nhất là công khai kết luận thanh tra; phối hợp chặt chẽ với cơ quan kiểm tra của Đảng, cơ quan quản lý cán bộ, công chức, Công an, Viện Kiểm sát trong việc kiến nghị xử lý các vụ việc vi phạm pháp luật, kỷ luật Đảng và Nhà nước đảm bảo yêu cầu xử lý đồng bộ, toàn diện theo đúng quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

*- Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, thực hiện điện tử hóa nghiệp vụ quản lý nhà nước và xã hội hóa việc xây dựng các dữ liệu thông tin quản lý nhà nước.*

Xây dựng dịch vụ công trực tuyến và triển khai đến 100% cấp xã. Đến hết năm 2020, xây dựng dịch vụ công trực tuyến đạt 80% thủ tục hành chính, trong đó 30% đạt mức độ 4; đạt trên 30% hồ sơ thủ tục hành chính thực hiện qua mạng Internet; 100% văn bản không mật dưới dạng điện tử, trên 80% văn bản trao đổi giữa các cơ quan nhà nước dưới dạng điện tử; ứng dụng chữ ký số trong trao đổi văn bản điện tử trong 100% cơ quan nhà nước cấp tỉnh và cấp huyện, phấn đấu đạt 50% cơ quan nhà nước cấp xã; liên thông hệ thống quản lý văn bản và điều hành đến 100% cấp xã và liên thông Văn bản Quốc gia; triển khai và sử dụng phần mềm một cửa điện tử đến 100% cấp xã.

Xây dựng Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị, địa phương. Xây dựng Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin phát triển chính quyền số và bảo đảm an toàn thông tin mạng giai đoạn 2021 - 2025 và năm 2021.

*- Tiếp tục thực hiện tinh giản biên chế gắn với cải cách tiền lương; đổi mới mạnh mẽ quy trình, phương thức tổ chức tuyển dụng, sử dụng, trả lương, đánh giá, đề bạt cán bộ; thực hiện bổ nhiệm, đề bạt cán bộ chủ yếu dựa trên thành tích, kết quả công việc; tăng cường trách nhiệm giải trình của người đứng đầu đối với cán bộ, công chức thuộc quyền quản lý và kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao của đơn vị.*

Thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/10/2014 của Chính phủ, từ năm 2015 đến năm 2020, tỉnh đã phê duyệt đề án tinh giản biên chế đối với 35/36 cơ quan,

đơn vị, địa phương (*còn lại Thanh tra tỉnh chưa có đối tượng tinh giản biên chế*) để giải quyết chế độ, chính sách đối với 2.292 đối tượng, cụ thể: khối hành chính 167 người, khối sự nghiệp 1.900 người và cán bộ, công chức cấp xã 225 người.

Giai đoạn 2015 – 2021; tổng số lượng biên chế công chức đã thực hiện cắt giảm là 226 biên chế (*đạt tỷ lệ 10,4% so với biên chế được giao năm 2015*), biên chế sự nghiệp giảm 2.841 biên chế (*đạt tỷ lệ 10,87% so với biên chế được giao năm 2015*).

Công tác bổ nhiệm, điều động cán bộ được thực hiện theo đúng quy định; tuyển dụng, chuyển chuyên, hợp đồng đối với công chức, viên chức được thực hiện kịp thời đáp ứng nhu cầu công việc của các cơ quan, đơn vị. Triển khai thí điểm phần mềm Đánh giá cán bộ, công chức tỉnh Quảng Ngãi; triển khai và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị tiến hành cập nhật dữ liệu vào phần mềm Quản lý hồ sơ cán bộ, công chức viên chức tỉnh Quảng Ngãi.

*- Xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn, liêm chính, thông suốt, hiệu lực, hiệu quả. Tăng cường kỷ luật, kỷ cương của các cơ quan nhà nước và người đứng đầu.*

Tổ chức bộ máy hành chính các cấp từng bước được sắp xếp, kiện toàn theo hướng tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức từng bước được cơ cấu, chuẩn hóa theo ngạch, chức danh nghề nghiệp, vị trí việc làm; kỷ luật, kỷ cương hành chính được tăng cường. Tiếp tục củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy chính quyền các cấp. Thực hiện sắp xếp cơ cấu tổ chức bên trong của một số cơ quan, đơn vị theo quy định<sup>34</sup>. Tiến hành sắp xếp 02 đơn vị hành chính cấp huyện và 11 đơn vị hành chính cấp xã, thành lập thị xã Đức Phổ và các phường thuộc thị xã Đức Phổ. Trình Trung ương Đề án thành lập thị trấn Minh Long, huyện Minh Long. Ban hành Nghị quyết về chính sách hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã dôi dư do thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã. Đổi tên, sắp xếp, sáp nhập một số đơn vị do sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã theo Nghị quyết 867/NQ-UBTVQH14 ngày 10/01/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Quyết định cho 460 cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc đối tượng tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/10/2014 của Chính phủ.

<sup>34</sup> Phê duyệt Đề án sắp xếp tổ chức bên trong của Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Giao thông vận tải, Sở Khoa học và Công nghệ; sửa đổi Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Sở Giao thông vận tải, Sở Tư Pháp. Quyết định phê duyệt sáp nhập, thành lập, giải thể các đơn vị thuộc Sở Văn hóa - Thể thao và Du lịch, Sở Y tế và huyện Nghĩa Hành.

## **2. Hạn chế, tồn tại và nguyên nhân**

### **2.1. Về hạn chế, tồn tại**

#### *2.1.1. Về lĩnh vực kinh tế*

- Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2016 – 2020 là 4,92%/năm, không đạt chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XIX (Nghị quyết là 6% - 7%/năm). Kinh tế của tỉnh phụ thuộc lớn vào tình hình hoạt động vào Nhà máy lọc dầu Dung Quất. GRDP bình quân đầu người chưa đạt chỉ tiêu Nghị quyết đề ra. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh chưa đạt theo định hướng.

Được xác định là một trong các trung tâm lọc hóa dầu quốc gia, tuy nhiên, hiện tại trên địa bàn Khu Kinh tế Dung Quất chỉ mới hình thành 02 nhà máy sản xuất liên quan lĩnh vực lọc, hóa dầu; sản phẩm chủ yếu là xăng, dầu, hạt nhựa PP. Qua đó, có thể thấy các điều kiện cần thiết để phát triển thành cụm ngành lọc, hóa dầu, trung tâm lọc, hóa dầu với mục tiêu có các nhà máy vệ tinh, tác động lan tỏa, làm động lực chính để phát triển còn khó khăn.

Ngoài sản phẩm thép của Hòa Phát, trong giai đoạn 2016 – 2020, sản phẩm công nghiệp mới không nhiều, giá trị gia tăng thấp. Giá trị sản xuất không tính dầu, không tính thép khá thấp (chỉ chiếm khoảng 21% trong tổng giá trị sản xuất công nghiệp). Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ lực ngoài dầu có xu hướng giảm (đường, sữa, tinh bột mì).

- Sản xuất nông nghiệp phát triển chưa bền vững, hiệu quả không cao; cơ cấu ngành chuyển dịch còn chậm và chưa rõ nét; sản xuất tập trung theo hướng hàng hóa bước đầu được hình thành nhưng quy mô còn nhỏ; phần lớn nông sản bán ra trên thị trường chủ yếu ở dạng thô, chưa qua chế biến. Công tác liên kết trong sản xuất nông nghiệp còn ít, chưa chủ động về đầu ra. Quy mô sản xuất nông nghiệp nhỏ.

Hoạt động du lịch tuy có chuyển biến nhưng nhìn chung lượng khách đến Quảng Ngãi chưa nhiều so với tiềm năng. Nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng du lịch còn hạn chế, chưa có khu, điểm du lịch hoàn chỉnh. Sản phẩm du lịch ít, thiếu đặc sắc. Thiếu dự án du lịch động lực dẫn dắt, kích thích phát triển hệ sinh thái du lịch; lao động trong lĩnh vực du lịch còn thiếu, yếu. Hoạt động khai thác các sản phẩm du lịch liên quan di tích, danh lam, thắng cảnh ở một số địa phương chưa bảo đảm tính bền vững. Hoạt động xúc tiến và kết nối du lịch trong và ngoài nước còn hạn chế.

- Chất lượng cải thiện môi trường đầu tư một số mặt còn hạn chế; các chỉ số về tiếp cận đất đai, chi phí thời gian, cạnh tranh bình đẳng, gia nhập

thị trường và đào tạo lao động của chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) đạt thấp, có chiều hướng giảm sút so với các địa phương trong vùng. Phần lớn doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ, thậm chí siêu nhỏ, khả năng cạnh tranh yếu. Kết quả thu hút đầu tư đạt kết quả tốt nhưng tiến độ thực hiện đưa dự án vào hoạt động còn gặp nhiều khó khăn, hạn chế.

- Hệ thống kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội tuy được tập trung đầu tư nhưng chưa đáp ứng yêu cầu phát triển. Mạng lưới giao thông, phát triển đô thị chưa đồng bộ; còn nhiều công trình thủy lợi chưa được đầu tư kiên cố và đồng bộ; chất lượng hạ tầng công nghệ thông tin chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; hạ tầng du lịch chưa được đầu tư nhiều, còn thiếu các điểm vui chơi, giải trí;... Công tác quản lý nhà nước về đô thị chưa hiệu quả, nhất là quản lý đất đai, đầu tư xây dựng theo quy hoạch.

- Quản lý bảo vệ môi trường và khai thác tài nguyên còn nhiều bất cập; công tác kiểm tra, giám sát việc khai thác khoáng sản, việc thực hiện các tiêu chuẩn về tác động môi trường còn nhiều hạn chế.

- Tính khả thi một số đề tài khoa học và công nghệ còn thấp; việc ứng dụng mang lại hiệu quả chưa cao; phần lớn các địa phương chưa chủ động đề xuất các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cần thiết phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội; thiếu các chuyên gia giỏi, các nhà khoa học đầu ngành để dẫn dắt hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ. Việc huy động nguồn vốn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ trong doanh nghiệp và hình thành các chuỗi liên kết với hợp tác xã và nông dân còn nhiều khó khăn.

### *2.1.2. Về lĩnh vực văn hóa - xã hội; nội chính; quốc phòng, an ninh*

- Thiếu hụt cả lao động có trình độ kỹ thuật và lao động phổ thông; chất lượng đào tạo lao động chưa đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp; mối quan hệ giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp còn hạn chế. Xuất khẩu lao động tại các huyện miền núi còn khó khăn, số lượng, chất lượng còn thấp. Công tác quản lý nhà nước về giáo dục còn một số hạn chế nhất định. Một bộ phận cán bộ quản lý chưa theo kịp với yêu cầu đổi mới. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, đồ dùng dạy học chưa đáp ứng yêu cầu.

- Chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị sau khi hợp nhất chưa được quy định thống nhất; cơ chế chính sách giữa khối Đảng và Khối Nhà nước sau khi thực hiện hợp nhất vẫn chưa được quy định cụ thể. Gặp khó khăn trong bố trí, sắp xếp cán bộ, công chức cấp xã, những người hoạt động không chuyên trách cấp xã, thôn, tổ dân phố sau khi sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính cấp xã. Quy định về cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công gặp khó khăn do chưa có hướng dẫn cụ thể. Các đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần chi thường xuyên được giao rất ít biên chế, số



lượng viên chức không thể đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, do đó, khi chấm dứt hợp đồng lao động đối với các đơn vị tự đảm bảo một phần chi thường xuyên thì rất khó khăn cho các đơn vị hoạt động.

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng, quy hoạch đôi khi chưa kịp thời; vẫn còn tình trạng lúng túng, thiếu hụt cán bộ trẻ mỗi khi cần bổ sung thay thế một số vị trí lãnh đạo, quản lý. Một số cán bộ, quản lý chưa theo kịp với yêu cầu đổi mới.

- Việc triển khai các nội dung cải cách hành chính còn chưa quyết liệt, đồng bộ. Thủ tục hành chính trên một số lĩnh vực còn rườm rà, phức tạp gây khó khăn cho tổ chức, cá nhân. Việc giải quyết thủ tục hành chính của một số sở, ngành, địa phương chưa đúng thời gian quy định. Cơ chế một cửa ở một số cơ quan, đơn vị còn mang tính hình thức, thực hiện chưa đúng quy trình, thủ tục hồ sơ, phí, lệ phí niêm yết chưa đầy đủ, kịp thời.

Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3/4 dù đã được cung cấp rộng rãi với hơn 200 thủ tục hành chính các loại, nhưng chưa có sự tham gia tích cực của tổ chức, công dân. Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành của các cơ quan hành chính chưa triệt để.

Các chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX); chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI); chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) chưa được cải thiện, có phần giảm sút vị trí xếp hạng so với đầu kỳ.

- Tranh chấp, khiếu kiện liên quan vấn đề đất đai, ô nhiễm môi trường (đặc biệt liên quan đến vấn đề rác thải, ô nhiễm môi trường tại các cụm công nghiệp, khu công nghiệp) còn diễn biến phức tạp, kéo dài ở một số địa phương. Thủ trưởng một số cơ quan hành chính các cấp chưa thực hiện đầy đủ trách nhiệm trực tiếp tiếp công dân và chủ trì đối thoại; tỷ lệ giải quyết khiếu nại tố cáo chưa đạt yêu cầu. Việc tham mưu xác minh, xử lý đơn thư tố cáo, thông tin phản ánh về tiêu cực, tham nhũng còn hạn chế.

## **2.2. Các nguyên nhân chủ yếu**

- *Về nguyên nhân khách quan:* Tình hình thế giới, trong nước tiếp tục diễn biến phức tạp với những yếu tố bất lợi và bị ảnh hưởng lớn trước tác động kép bởi đại dịch Covid-19 và giá dầu thô giảm mạnh; nguồn lực đầu tư còn hạn chế; hầu hết doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh có quy mô nhỏ và vừa, thậm chí siêu nhỏ; sự chòng chéo giữa các luật chuyên ngành dẫn đến khó khăn, lúng túng trong quá trình áp dụng (giữa pháp luật về đầu tư, đất đai, chuyển giao công nghệ, nhà ở, đô thị,...); dịch bệnh cho cây trồng, vật nuôi; thiên tai, lũ lụt thường xuyên xảy ra,...

- *Về nguyên nhân chủ quan:* Công tác dự báo xây dựng kế hoạch chưa dự lường hết những biến động về kinh tế nên việc xây dựng một số

chỉ tiêu về phát triển kinh tế - xã hội cao, trong khi nguồn lực đầu tư thực tế có hạn nên trong quá trình triển khai thực hiện một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội đạt thấp. Việc thu hút đầu tư kết cấu hạ tầng theo phương thức đối tác công - tư (PPP), huy động từ quỹ đất và các nguồn vốn khác chưa đạt hiệu quả. Việc tổ chức thực hiện nhiệm vụ ở các cấp, các ngành có mặt chưa theo kịp với yêu cầu thực tiễn. Sự trì trệ, thiếu tinh thần trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức vẫn chưa khắc phục triệt để; một số đơn vị vẫn còn tình trạng không sát sao trong công việc, chất lượng tham mưu, đề xuất thấp, chưa kịp thời. Tinh thần, trách nhiệm của một số cán bộ lãnh đạo, nhất là người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong chỉ đạo điều hành, đặc biệt chỉ đạo xử lý một số vấn đề tồn tại, yếu kém chưa kịp thời, thiếu tập trung, thiếu kiên quyết. Công tác phối hợp thực hiện ở một số ngành, địa phương còn hạn chế, chưa bám sát tình hình triển khai dự án để hỗ trợ nhà đầu tư; tinh thần phục vụ doanh nghiệp, thu hút và hỗ trợ đầu tư có chuyển biến nhưng còn chậm, thiếu sự đổi mới.

### **PHẦN III**

#### **ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

Để có cơ hội tạo ra được các động lực mới, các bước đột phá thực sự để phát triển nhanh và bền vững trong khu vực miền Trung và Tây Nguyên, tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Trung ương xem xét quan tâm có các cơ chế, chính sách phát triển đặc thù dành cho tỉnh, qua đó, tiếp tục thực hiện hiệu quả đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao chất lượng tăng trưởng, năng suất lao động, sức cạnh tranh của nền kinh tế trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Cụ thể như sau:

#### **1. Đối với Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư**

##### ***1.1. Thực trạng phát triển tỉnh Quảng Ngãi trong giai đoạn 2011 - 2020***

Từ một tỉnh thuần nông, xuất phát điểm thấp, sau hơn 30 năm tái lập, Quảng Ngãi đã vươn lên gặt hái nhiều thành tựu đáng khích lệ; nổi bật là xây dựng thành công Khu Kinh tế Dung Quất, hạt nhân tăng trưởng và là động lực phát triển của tỉnh và vùng miền Trung với trọng tâm là công nghiệp lọc hóa dầu; đưa Quảng Ngãi tiến nhanh trên con đường công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Sau 10 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội đảng toàn quốc lần thứ XI, XII; các nghị quyết của Trung ương; Nghị quyết Đại hội đảng bộ tỉnh lần thứ XVIII và XIX; Quảng Ngãi đã từng bước khai thác và phát huy tốt các tiềm năng, lợi thế cho phát triển. Trong giai đoạn 2011 - 2020, tốc độ tăng trưởng GRDP đạt 6,6%/năm. Đến năm 2020, quy mô nền kinh tế tăng gần

3 lần (2,81) so với năm 2010; tổng sản phẩm bình quân đầu người đạt 2.845 USD, tăng hơn 2 lần so với năm 2010; thu ngân sách tăng nhanh; từng bước trở thành một cực tăng trưởng mới của Vùng Duyên hải miền Trung. Cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng công nghiệp và dịch vụ là chủ đạo, trong đó, công nghiệp trở thành trụ cột với hạt nhân là Khu Kinh tế Dung Quất. Trong đó, Nhà máy lọc hóa dầu Dung Quất và Khu liên hợp gang thép Hòa Phát Dung Quất là các động lực chính.

So với tốc độ tăng trưởng GRDP trong các giai đoạn trước (giai đoạn 1991 - 2000 là 8,37%/năm; giai đoạn 2001 - 2010 là 16,4%/năm, nhờ có Nhà máy lọc dầu Dung Quất đi vào hoạt động từ năm 2009), thì giai đoạn 2011 - 2020 có phần đạt thấp, trong đó, giai đoạn 2011 - 2015 là 8,4%/năm, giai đoạn 2016 - 2020 đạt 4,9%/năm<sup>35</sup>. Nền kinh tế chậm chuyển biến về chất lượng tăng trưởng, về hiệu quả và sức cạnh tranh. Nguồn lực đầu tư các công trình trọng điểm, các hạ tầng thiết yếu còn hạn chế; môi trường đầu tư kinh doanh tuy đã được cải thiện nhiều nhưng vẫn còn bất cập. Đời sống một bộ phận nhân dân còn khó khăn, nhất là vùng nông thôn, miền núi, các đối tượng chính sách xã hội, người lao động có thu nhập thấp và đồng bào dân tộc thiểu số. Các lĩnh vực văn hoá xã hội phát triển về bề rộng, nhưng nhiều mặt còn hạn chế về chất lượng; xã hội hóa về y tế, giáo dục chưa đạt nhiều kết quả; môi trường một số nơi bị ô nhiễm.

Qua kết quả tổng hợp, phân tích, đánh giá, tình hình phát triển và thu ngân sách của tỉnh Quảng Ngãi phụ thuộc lớn vào tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty lọc, hóa dầu Bình Sơn, đóng góp bình quân trên 60% tổng thu ngân sách trên địa bàn. Do giá dầu thô sụt giảm kéo dài từ năm 2015 đến 2020 (giảm khoảng 50%) dẫn đến số thu từ Công ty đóng góp cho ngân sách tỉnh cũng giảm mạnh, một trong các nguyên nhân chính dẫn đến hụt thu ngân sách tỉnh trong năm 2019, 2020. Mặt khác, do là tỉnh có tỷ lệ điều tiết về ngân sách Trung ương (12%), nên mức hỗ trợ từ ngân sách Trung ương cho ngân sách địa phương bị cắt giảm rất nhiều, mức vay lại của các dự án ODA cao, tính điểm để phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021 - 2025 cho tỉnh ở mức thấp nhất trong khu vực<sup>36</sup> (so với các địa phương có điều kiện kinh tế - xã hội tương đồng), trong khi điều kiện về kinh tế - xã hội của tỉnh còn nhiều khó khăn, là một tỉnh nghèo, có 04 huyện nghèo 30a, 01 huyện đảo tiền tiêu, 60 xã miền núi, 14 xã bãi ngang ven biển, 44 xã đặc biệt khó khăn. Dẫn đến nguồn lực đầu

<sup>35</sup> Một phần do ảnh hưởng của dịch Covid-19

<sup>36</sup> Quyết định số 26/2020/QĐ-TTg ngày 14/9/2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 973/2020/UBTVQH14 ngày 08/7/2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2021-2025

tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng nhu cầu, điều kiện phát triển của tỉnh.

Bên cạnh đó, một số định hướng, mục tiêu lớn, quan trọng của trung ương chưa được triển khai hoặc tiến độ triển khai chậm trên địa bàn tỉnh dẫn đến kết quả phát triển của tỉnh chưa thực sự khởi sắc, chưa khơi thông các nguồn lực, phát huy tối đa các lợi thế, tiềm năng phát triển của tỉnh (như phát triển Trung tâm lọc, hóa dầu quốc gia tại Khu Kinh tế Dung Quất...).

## ***1.2. Thách thức, hạn chế trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời gian đến***

Đại hội đại biểu đảng bộ tỉnh lần thứ XX đã xác định mục tiêu phát triển tỉnh trong thời gian đến như sau: “...*Phấn đấu đến năm 2025, Quảng Ngãi trở thành tỉnh phát triển khá của Vùng miền Trung; tạo tiền đề để đến năm 2030, trở thành tỉnh phát triển khá, có thu nhập bình quân đầu người ít nhất bằng mức bình quân của cả nước*”. Đồng thời, đề ra các nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội, trong đó, gắn với việc huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực để phát triển kinh tế - xã hội nhanh và bền vững.

Theo tính toán bước đầu, trong điều kiện không có các cơ chế, chính sách đặc thù phát triển, Quảng Ngãi sẽ khó có đủ nguồn lực để phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh của tỉnh trong phát triển kinh tế - xã hội, nhất là với vị trí chiến lược đặc biệt quan trọng, hệ thống giao thông kết nối thuận lợi, tiềm năng, thế mạnh của Khu Kinh tế Dung Quất, cảng nước sâu Dung Quất, cùng với tiềm lực tài nguyên thiên nhiên. Đồng thời, Quảng Ngãi sẽ không có đủ nguồn lực để giải quyết, khắc phục triệt để các hạn chế, khó khăn, yếu kém nội tại của tỉnh trong thời gian qua, như: chất lượng tăng trưởng kinh tế còn thấp, phụ thuộc nhiều vào tăng các yếu tố đầu vào; còn dự án công nghiệp hiệu quả chưa cao, gây ô nhiễm môi trường; phát triển ngành dịch vụ chưa đa dạng, chất lượng và giá trị gia tăng chưa cao; tái cơ cấu ngành nông nghiệp còn chậm; hệ thống đô thị phát triển chậm; kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội, nhất là hạ tầng các huyện miền núi, hạ tầng giao thông, hạ tầng các khu công nghiệp chưa đồng bộ và chưa đáp ứng yêu cầu phát triển; quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường còn hạn chế; văn hóa, xã hội phát triển chưa đồng đều giữa các vùng, miền; khoảng cách phát triển có xu hướng gia tăng;...

Trường hợp có các cơ chế, chính sách phát triển đặc thù, Quảng Ngãi sẽ có cơ hội tạo ra được các động lực mới, các bước đột phá thực sự để phát triển nhanh và bền vững hơn; trở thành cực tăng trưởng mới của vùng miền Trung và Tây Nguyên.

### ***1.3. Kiến nghị, đề xuất***

Từ các lý do nêu trên, tỉnh Quảng Ngãi kính đề nghị Trung ương xem xét có cơ chế, chính sách dành riêng cho Quảng Ngãi đến năm 2050 và đề xuất bổ sung vào Chương trình làm việc của Bộ Chính trị, cụ thể như sau:

Tên nội dung đề xuất: Cơ chế, chính sách đặc thù cho tỉnh Quảng Ngãi (đề nghị Bộ Chính trị xem xét ban hành Nghị quyết về xây dựng và phát triển tỉnh Quảng Ngãi đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050).

### **2. Đối với Quốc hội**

Căn cứ vào điều kiện đặc thù của tỉnh Quảng Ngãi, kính đề nghị Quốc hội quan tâm, xem xét cho phép Quảng Ngãi:

- Được hưởng cơ chế hỗ trợ từ ngân sách Trung ương để thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh như tỉnh chưa tự cân đối được.

- Tăng tỷ lệ điều tiết cho ngân sách địa phương từ 7 - 10% so với giai đoạn 2017 - 2020 (hiện tại là 88%); bổ sung có mục tiêu hàng năm khoảng 300 tỷ để đầu tư cơ sở hạ tầng, bảo vệ chủ quyền biển đảo trên địa bàn huyện đảo Lý Sơn.

- Tỉnh Quảng Ngãi có 05 huyện miền núi, trong đó có 04 huyện nghèo, tỷ lệ hộ nghèo ở miền núi cao hơn so với cả nước, để có nguồn kinh phí đầu tư kết cấu hạ tầng miền núi, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, kính đề nghị cho phép tăng định mức chi thường xuyên với định mức phân bổ thêm theo tỷ lệ % số chi tính theo định mức dân số (theo quy định hiện hành) là 70%.

- Được hưởng cơ chế trích tăng thu cho địa phương từ hoạt động xuất nhập khẩu, thuế bảo vệ môi trường; cơ chế bổ sung cân đối phân hụt thu tương ứng với số hụt thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất mà địa phương được hưởng để đảm bảo mặt bằng chi theo quy định.

### **3. Đối với Chính phủ và các các bộ, ngành Trung ương**

#### ***3.1. Về bổ sung, sửa đổi các quy định của pháp luật gây vướng mắc trong đầu tư, kinh doanh***

Kính đề nghị Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và các bộ, ngành Trung ương xem xét kiến nghị sửa đổi, bổ sung hoặc sửa đổi, bổ sung các quy định của pháp luật gây vướng mắc trong đầu tư, kinh doanh như nội dung tại Công văn số 3408/UBND-TH ngày 19/7/2021 của tỉnh Quảng Ngãi đã báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

#### ***3.2. Về tỷ lệ cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài***

Kính đề nghị Chính phủ quan tâm, xem xét bổ sung Quảng Ngãi vào nhóm các địa phương: *“Có tỷ lệ bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương so với tổng chi cân đối ngân sách địa phương dưới 50%, tỷ lệ cho vay lại là 50% vốn vay, vay ưu đãi”* (quy định tại điểm c khoản 1 Điều 21 Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30/6/2018 về cho vay lại vốn vay ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ).

### **3.3. Về chính sách đối với huyện đảo Lý Sơn**

- Kính đề nghị Chính phủ:

+ Giữ nguyên các chế độ, chính sách của huyện đảo Lý Sơn như trước đây (giai đoạn còn chính quyền cấp xã) vì điều kiện tự nhiên không thay đổi; xem xét bổ sung huyện đảo Lý Sơn vào đối tượng được thụ hưởng chính sách tại Nghị định số 76/2019/NĐ-CP ngày 08/10/2019 của Chính phủ về chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và người hưởng lương trong lực lượng vũ trang công tác ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và được hưởng các chính sách đặc thù cao nhất của một trong các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trước khi sắp xếp (khoản 8 mục III Nghị quyết số 32/NQ-CP ngày 14/5/2019 của Chính phủ về ban hành kế hoạch thực hiện sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã trong giai đoạn 2019 - 2021); tiếp tục được đầu tư theo các chương trình mục tiêu quốc gia (trong đó, có giảm nghèo bền vững và nông thôn mới) và bãi ngang ven biển như trước khi giải thể chính quyền cấp xã.

+ Bổ sung huyện đảo Lý Sơn vào danh sách đặc biệt khó khăn giai đoạn 2021 - 2025 (như huyện đảo Côn Cỏ, tỉnh Quảng Trị trong giai đoạn 2016 - 2020 theo Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25/11/2017 của Thủ tướng Chính phủ).

- Kính đề nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các bộ ngành liên quan xem xét tham mưu cấp có thẩm quyền quan tâm, hỗ trợ chính sách đối với huyện đảo Lý Sơn như tại Báo cáo số 87/BC-UBND ngày 14/6/2021 của tỉnh Quảng Ngãi đã báo cáo Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

### **3.4. Về một số cơ chế tài chính, đầu tư**

Kính đề nghị Bộ Tài chính và các bộ ngành liên quan xem xét tham mưu cấp có thẩm quyền quan tâm, quyết định hỗ trợ tỉnh Quảng Ngãi một số cơ chế tài chính như nội dung tại Công văn số 3236/UBND-KT ngày 09/7/2021 của tỉnh Quảng Ngãi đã báo cáo Bộ Tài chính (cơ chế hỗ trợ từ ngân sách Trung ương trong các Chương trình mục tiêu quốc gia; cơ chế hỗ trợ từ ngân sách Trung ương để thực hiện các chính sách an sinh xã hội trên địa bàn tỉnh; tăng tỷ lệ điều tiết cho ngân sách địa phương; cho phép

*tăng định mức chi thường xuyên; cơ chế trích tăng thu cho địa phương từ hoạt động xuất nhập khẩu, từ thuế bảo vệ môi trường; cơ chế bổ sung cân đối phần hụt thu tương ứng với số hụt thu từ Nhà máy lọc dầu Dung Quất mà địa phương được hưởng để đảm bảo mặt bằng chi theo quy định).*

### **3.5. Kiến nghị, đề xuất khác**

Kính đề nghị Bộ Công Thương sớm tổ chức xây dựng hoàn thành Đề án Quy hoạch Trung tâm lọc hóa dầu và năng lượng Quốc gia tại Khu Kinh tế Dung Quất theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ.

#### Nơi nhận:

- Ban Bí thư (báo cáo),
- Ban Kinh tế Trung ương (báo cáo),
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy,
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ban Cán sự đảng UBND tỉnh;
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy,
- VPTU: CVP, PCVP, P.Tổng hợp,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ**

**Đặng Ngọc Huy**